

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TQT-ĐT  
V/v báo cáo Đề án tuyển sinh đại  
học chính quy năm 2023

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Kính gửi: Đại học Quốc gia Hà Nội

(Qua Ban Đào tạo)

Thực hiện Công văn số 1404/ĐHQGHN-ĐT ngày 24/4/2023 của Đại học Quốc gia Hà Nội về kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học chính quy năm 2023, Trường Quốc tế xin báo cáo Đề án tuyển sinh đại học chính quy năm 2023 của nhà trường trong phụ lục kèm theo.

Trân trọng./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Hiệu trưởng (để b/c);
- HĐTS;
- Lưu: VT, P.ĐT, Đ(3).

**Trần Anh Hào**  
**Phó Chủ tịch HĐTS đại học năm 2023**

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023

### I. Thông tin chung

#### 1. Tên đơn vị đào tạo

Tên trường/khoa: Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Sứ mệnh: Đào tạo và nghiên cứu khoa học theo chuẩn quốc tế dựa trên nền tảng khoa học cơ bản, khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ, góp phần cung cấp nguồn nhân lực và các sản phẩm khoa học - công nghệ chất lượng cao phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước.

Trường Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU-International School) tự hào là đơn vị đi đầu và tiên phong trong đào tạo đại học và sau đại học toàn bộ bằng tiếng Anh. Đến nay, Trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) đã hợp tác với gần 40 trường đại học quốc tế. Gần 100% đội ngũ giảng viên Việt Nam của Trường Quốc tế được đào tạo và tốt nghiệp tại các trường đại học nước ngoài uy tín. Ngoài ra, đội ngũ giảng viên nước ngoài chiếm 20-25% với sự tham gia của các giảng viên của các trường đối tác và các học giả quốc tế theo Chương trình Thu hút học giả. Trường Quốc tế cung cấp hệ thống học bổng đa dạng như tuyển thẳng, học bổng phát triển tài năng, học bổng cho sinh viên có thành tích học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động xã hội đặc biệt xuất sắc, học bổng ngắn hạn khuyến khích học tập, học bổng quốc tế từ trường đối tác. Tổng trị giá học bổng khoảng 35 tỷ đồng.

#### 2. Mã trường: QHQ

#### 3. Địa chỉ các trụ sở

- Cơ sở 1: Nhà G7, nhà E5, Đại học Quốc gia Hà Nội, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

- Cơ sở 2: Nhà C, nhà E, Làng Sinh viên HACINCO, 79 Ngụy Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội.

- Cơ sở 3: Số 1, Phố Trịnh Văn Bô, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

- Cơ sở 4: Tòa nhà HT1, Khu Đô thị đại học, Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc, Hà Nội.

#### 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của Trường Quốc tế:

<https://truongquocte.edu.vn>, <http://www.is.vnu.edu.vn>

#### 5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của Trường Quốc tế (có thông tin tuyển sinh):

- Fanpage Trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội: <https://www.facebook.com/truongquocte.vnuis>

- Zalo: <https://zalo.me/1036187972385039055>

- Youtube: <https://youtube.com/c/VNUISChannel>

- Instagram: [https://www.instagram.com/vnu\\_is/](https://www.instagram.com/vnu_is/)
- LinkedIn: <https://www.linkedin.com/school/483021>
- TikTok: <https://www.tiktok.com/@vnuis>

**6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 024.35553555/ 0983 372 988/ 0379 884 488/ 0989 106 633.**

### **7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp**

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của Trường Quốc tế: <https://www.is.vnu.edu.vn/bao-cao-khao-sat-ve-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-tot-nghiep-nam-2022/>

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

STT	Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý</b>					
1.	Kinh doanh quốc tế	Đại học	180	224	139	88,9%
2.	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	Đại học	140	119	58	79,8%
3.	Hệ thống thông tin quản lý	Đại học	80	30	11	90,0%
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin</b>					
5.	Tin học và Kỹ thuật máy tính	Đại học	40	27	8	77,8%
	<b>Tổng</b>		<b>440</b>	<b>400</b>	<b>216</b>	

*Bảng 1: Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp*

### **8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất**

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của Trường Quốc tế:

- Năm 2021: <https://student.isvnu.vn/de-an-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2021-cua-khoa-quoc-te.html>

- Năm 2022: <https://student.isvnu.vn/truong-quoc-te-dhqghn-cong-bo-de-an-tuyen-sinh-2022.html>

### **8.1. Phương thức tuyển sinh năm 2021 và năm 2022**

Trường xét tuyển theo các phương thức sau:

- Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và ĐHQGHN;
- Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT;
- Xét tuyển theo kết quả bài thi Đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức;
- Xét tuyển theo điểm thi đánh giá tư duy của trường Đại học Bách Khoa Hà Nội (từ năm 2022);
- Xét tuyển bằng các phương thức khác theo đề án tuyển sinh của Trường (chứng chỉ A-Level, SAT, ACT, xét tuyển kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS/TOEFL iBT với điểm thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập bậc THPT, xét tuyển theo bằng tú tài quốc tế IB).

**8.2. Điểm trúng tuyển năm 2021 và năm 2022**

Ngành		Mã tuyển sinh	Năm 2021				Năm 2022					
Tổ hợp xét tuyển			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển theo điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo kết quả thi ĐGNL	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển theo điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo kết quả thi ĐGNL	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp học bạ	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp điểm thi THPT
1	Kinh doanh quốc tế	QHQ01	220	205	26,2	95	220	186	24	85	24,8	23
	A00, A01, D01, D03, D06, D96, D97, DD0											
2	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	QHQ02	150	129	25,5	95	150	143	22,5	85	24,8	22,5
	A00, A01, D01, D03, D06, D96, D97, DD0											
3	Hệ thống thông tin quản lý	QHQ03	100	86	24,8	90	100	99	22,5	85	24,8	22,5
	A00, A01, D01, D03, D06, D96, D97, DD0											

Ngành		Mã tuyển sinh	Năm 2021				Năm 2022					
Tổ hợp xét tuyển			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển theo điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo kết quả thi ĐGNL	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển theo điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo kết quả thi ĐGNL	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp học bạ	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp điểm thi THPT
4	Tin học và kỹ thuật máy tính	QHQ04	80	89	24	90	90	98	22,5	85	24,8	22,5
	A00, A01, D01, D03, D06, D07, D23, D24											
5	Phân tích dữ liệu kinh doanh	QHQ05	100	123	25	90	110	111	23,5	85	24,8	22,5
	A00, A01, D01, D03, D06, D07, D23, D24											
6	Marketing (song bằng VNU-HELP)	QHQ06	60	67	25,3	90	70	97	23	85	24,8	22,5
	A00, A01, D01, D03, D06, D96, D97, DD0											
7	Quản lý (song bằng VNU-Keuka)	QHQ07	40	50	23,5	90	60	34	21,5	85	24,8	22,5

Ngành		Mã tuyển sinh	Năm 2021				Năm 2022					
Tổ hợp xét tuyển			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển theo điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo kết quả thi ĐGNL	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển theo điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo kết quả thi ĐGNL	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp học bạ	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp điểm thi THPT
	A00, A01, D01, D03, D06, D96, D97, DD0											
8	Kỹ sư Tự động hóa và Tin học	QH08	50	93	22	90	100	83	22	85	24,8	22,5
	A00, A01, D01, D03, D06, D07, D23, D24											
9	Ngôn ngữ Anh (chuyên sâu Kinh doanh – Công nghệ thông tin)	QH09	50	76	25	90	100	99	24	85	24,8	22,5
	A01, D01, D78, D90											
10	Công nghệ thông tin ứng dụng	QH10	-	-	-		180	74	20	85	24,8	22,5

Ngành		Mã tuyển sinh	Năm 2021				Năm 2022					
Tổ hợp xét tuyển			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển theo điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo kết quả thi ĐGNL	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển theo điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo kết quả thi ĐGNL	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp học bạ	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp điểm thi THPT
	A00, A01, D01, D03, D06, D07, D23, D24											
11	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	QHQ11	-	-	-		150	115	20	85	24,8	22,5
	A00, A01, D01, D03, D06, D07, D23, D24											
12	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics	QHQ12	-	-	-		70	50	20	85	24,8	22,5
	A00, A01, D01, D03, D06, D07, D23, D24											

Bảng 2: Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất



## 9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của Trường Quốc tế: <https://www.is.vnu.edu.vn/dao-tao>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Kinh doanh quốc tế	QHQ01	146/QĐ-ĐT	14/1/2010	ĐHQGHN	2011	2022
2	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	QHQ02	3885/QĐ-ĐHQGHN	16/11/2012	ĐHQGHN	2014	2022
3	Hệ thống thông tin quản lý	QHQ03	2142/QĐ-ĐHQGHN	26/6/2014	ĐHQGHN	2015	2022
4	Tin học và kỹ thuật máy tính	QHQ04	1066/QĐ-ĐHQGHN	30/3/2017	ĐHQGHN	2017	2022
5	Phân tích dữ liệu kinh doanh	QHQ05	941/QĐ-ĐHQGHN	03/4/2019	ĐHQGHN	2019	2022
6	Marketing (song bằng VNU-HELP)	QHQ06	3854/QĐ-ĐHQGHN	29/11/2019	ĐHQGHN	2020	2022
7	Quản lý (song bằng VNU-Keuka)	QHQ07	3853/QĐ-ĐHQGHN	29/11/2019	ĐHQGHN	2020	2022
8	Kỹ sư Tự động hóa và Tin học	QHQ08	1186/QĐ-ĐHQGHN	27/4/2021	ĐHQGHN	2021	2022
9	Ngôn ngữ Anh (chuyên sâu Kinh doanh – Công nghệ thông tin)	QHQ09	1185/QĐ-ĐHQGHN	27/4/2021	ĐHQGHN	2021	2022

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
10	Công nghệ thông tin ứng dụng	QHQ10	1308/QĐ-ĐHQGHN	21/4/2022	ĐHQGHN	2022	2022
11	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	QHQ11	1318/QĐ-ĐHQGHN	21/4/2022	ĐHQGHN	2022	2022
12	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics	QHQ12	1314/ QĐ-ĐHQGHN	21/4/2022	ĐHQGHN	2022	2022

*Bảng 3: Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo của Trường Quốc tế*

### 10. Điều kiện đảm bảo chất lượng (Phụ lục 1)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://www.is.vnu.edu.vn/gioithieu/ba-cong-khai>

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường Quốc tế: <https://www.is.vnu.edu.vn/tuyen-sinh/tuyen-sinh-dai-hoc/chuyen-trang-thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-nam-2023>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của Trường Quốc tế trên trang thông tin điện tử: <https://www.is.vnu.edu.vn/quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-tai-dai-hoc-quoc-gia-ha-noi>

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường

(Trường không tổ chức thi)

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi trên trang thông tin điện tử của Trường

(Trường không tổ chức thi)

## II. Tuyển sinh đại học chính quy

### 1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

#### 1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh chung

Theo quy định chung của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN, bao gồm:

- Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;

- Thí sinh (trừ các đối tượng ở mục 1.6.2 đến 1.6.6) có kết quả môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt tối thiểu 6,0 điểm theo thang điểm 10 hoặc có kết quả học tập từng kỳ (6 học kỳ) môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) bậc THPT đạt tối thiểu 7,0 điểm hoặc sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

## **1.2. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển**

*1.2.1. Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (quy định tại khoản 2, Điều 8 của Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học)*

Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế (môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển của Nhà trường) hoặc đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia (có nội dung môn thi, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực phù hợp với ngành đào tạo). Thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

*1.2.2. Ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (quy định tại khoản 5, Điều 8 của Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học)*

- Thí sinh thuộc đối tượng quy định tại mục 1.2.1 dự tuyển vào các ngành theo nguyện vọng (không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng);

- Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia (môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển của Nhà trường) hoặc thí sinh đạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức (có nội dung môn thi, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực phù hợp với ngành đào tạo). Thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

*1.2.3. Xét tuyển thẳng theo Quy định của ĐHQGHN (quy định tại Quyết định số 4412/QĐ-ĐHQGHN ngày 31/12/2021 về việc ban hành Quy định cơ chế đặc thù trong tuyển sinh và đào tạo liên thông bậc THPT và bậc đại học tại ĐHQGHN)*

- Học sinh THPT;

- Học sinh THPT hệ chuyên thuộc ĐHQGHN và hệ chuyên của các trường THPT chuyên cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

*1.2.4. Ưu tiên xét tuyển theo Quy định của ĐHQGHN (quy định tại Quyết định số 4412/QĐ-ĐHQGHN ngày 31/12/2021 về việc ban hành Quy định cơ chế đặc thù trong tuyển sinh và đào tạo liên thông bậc THPT và bậc đại học tại ĐHQGHN)*

- Học sinh THPT;

- Học sinh hệ không chuyên của các trường THPT thuộc ĐHQGHN.

### **1.3. Xét tuyển theo kết quả kì thi tốt nghiệp THPT năm 2023**

Thí sinh sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023.

### **1.4. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức**

Thí sinh sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực học sinh THPT (ĐGNL) còn thời hạn do ĐHQGHN tổ chức đạt tối thiểu 80/150 điểm và có kết quả môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt tối thiểu 6,0 điểm theo thang điểm 10 hoặc có kết quả học tập từng kỳ (6 học kỳ) môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) bậc THPT đạt tối thiểu 7,0 điểm hoặc sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành.

### **1.5. Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế**

Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT từ 72 trở lên kết hợp với 01 trong 03 điều kiện sau:

- Có điểm trung bình chung kết quả học tập bậc THPT của hai (02) môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển (trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc môn Ngữ Văn) đạt từ 8,0 điểm trở lên, từng kỳ không có môn nào dưới 7,0 điểm và đạt điều kiện phỏng vấn của Trường Quốc tế.

- Có kết quả kỳ thi ĐGNL còn thời hạn do ĐHQGHN tổ chức đạt tối thiểu 80/150 điểm.

- Có tổng điểm hai (02) môn thi/bài thi còn lại trong tổ hợp xét tuyển (trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc môn Ngữ văn) đạt tối thiểu 14 điểm trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023.

#### **\* Lưu ý:**

- Đề đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành học trong năm tuyển sinh;

- Điểm tối thiểu từng kỹ năng của chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS là 4.5 và của chứng chỉ tiếng Anh quốc tế TOEFL iBT là 15 điểm.

- Các chứng chỉ thi bằng hình thức online không được chấp nhận.

### **1.6. Xét tuyển các phương thức khác**

#### **1.6.1. Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM**

Thí sinh có kết quả thi ĐGNL còn thời hạn của ĐHQG-HCM đạt tối thiểu 750/1.200 điểm và có kết quả môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt tối thiểu 6,0 điểm theo thang điểm 10 hoặc có kết quả học tập từng kỳ (6 học kỳ) môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) bậc THPT đạt tối thiểu 7,0 điểm hoặc sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành.

1.6.2. Xét tuyển chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Anh (A-Level)

Thí sinh có kết quả 3 môn thi trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc Ngữ văn theo các tổ hợp quy định của ngành đào tạo tương ứng, đảm bảo mỗi môn đạt từ 60/100 điểm trở lên (tương đương điểm C, PUM range  $\geq 60$ ).

*1.6.3. Xét tuyển theo kết quả kì thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ)*

Thí sinh có kết quả SAT đạt từ 1100/1600 trở lên. Mã đăng ký của ĐHQGHN với Tổ chức thi SAT (The College Board) là 7853-Vietnam National University-Hanoi(Thí sinh phải khai báo mã đăng ký trên khi đăng ký thi SAT).

*1.6.4. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi chuẩn hóa ACT (American College Testing)*

Thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT đạt từ 22/36 điểm trở lên.

*1.6.5. Xét tuyển bằng tốt nghiệp Tú tài quốc tế (IB)*

Thí sinh có bằng tốt nghiệp Tú tài quốc tế (International Baccalaureate) với mức điểm từ 24/42 trở lên, trong đó điểm thành phần môn Toán, Tiếng Anh đạt tối thiểu 4/7 và đạt yêu cầu phỏng vấn của Trường Quốc tế.

*1.6.6. Xét tuyển thí sinh quốc tế*

Thí sinh là người nước ngoài đáp ứng yêu cầu theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (quy định tại khoản 4, Điều 8 của Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học) và theo Quy định thu hút sinh viên quốc tế của Đại học Quốc gia Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 4848/QĐ-ĐHQGHN ngày 18/12/2017).

\* **Lưu ý:** các chứng chỉ quốc tế, đánh giá năng lực phải còn hạn sử dụng tính đến ngày đăng ký xét tuyển (thời hạn sử dụng 02 năm kể từ ngày dự thi).

## **2. Phạm vi tuyển sinh**

Trường Quốc tế thực hiện tuyển sinh các thí sinh trên phạm vi cả nước và tuyển sinh thí sinh quốc tế theo quy định nêu trên.

## **3. Phương thức tuyển sinh**

Thực hiện tuyển sinh theo phương thức xét tuyển, cụ thể như sau:

- Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của ĐHQGHN;
- Xét tuyển theo kết quả kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) năm 2023;
- Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực (ĐGNL) do ĐHQGHN tổ chức;
- Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp một trong ba kết quả sau:
  - (1) Kết quả học tập bậc THPT và phỏng vấn;
  - (2) Kết quả kỳ thi ĐGNL của ĐHQGHN;
  - (3) Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023;
- Xét tuyển các phương thức khác:
  - + Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM;
  - + Xét tuyển các chứng chỉ quốc tế, kết quả các kì thi chuẩn hóa, bao gồm: (1) Chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Anh (A-Level); (2)

Kết quả kì thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ); (3) Kết quả kì thi chuẩn hóa ACT (American College Testing); (4) Bằng Tú tài quốc tế (IB);

+ Xét tuyển thí sinh quốc tế đáp ứng các yêu cầu theo quy định của ĐHQGHN và Bộ GD&ĐT.

**4. Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ nhóm ngành/ khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo**

Tuyensinh247.com

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup> 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4			
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		
1.	Đại học	QHQ01	Kinh doanh quốc tế	100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	138	A00		A01	Tiếng Anh	D01 D03 D06	Ngoại ngữ	D96 D97 DD0	Ngoại ngữ		
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN	05										
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	78										
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023											
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn	34										
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết											

<sup>1</sup> Tổ hợp xét tuyển được hiểu là: tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup>		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
					hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN										
				500	Xét tuyển Bằng Tú tài quốc tế	5									
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế										
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, ACT, A-Level										
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM										
				100	Xét tuyển theo điểm thi THPT		97	A00		A01	Tiếng Anh	D01 D03 D06	Ngoại ngữ	D96 D97 DD0	Ngoại ngữ
2.	Đại học	QH02	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN	3									
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	54									
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	23									



TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup>		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn									
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN									
				500	Xét tuyển Bằng Tú tài quốc tế									
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế									
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, ACT, A-Level	3								
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM									
3.	Đại học	QH03	Hệ thống thông tin quản lý	100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	53	A00		A01	Tiếng Anh	D01 D03 D06	Ngoại ngữ	D96 D97 DD0	Ngoại ngữ
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN	2								

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup>		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	30								
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023									
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn	13								
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN									
				500	Xét tuyển Bằng Tú tài quốc tế									
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế									
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, ACT, A-Level	2								
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM									

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup>		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4			
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính		
4.	Đại học	QHQ04	Tin học và Kỹ thuật máy tính	100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	53	A00	Toán	A01	Toán	D01 D03 D06	Toán	D07 D23 D24	Toán		
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN	2										
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	30										
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	13										
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn											
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN											
				500	Xét tuyển Bằng Tú tài quốc tế	2										

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup>		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế									
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, ACT, A-Level									
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM									
5.	Đại học	QHQ05	Phân tích dữ liệu kinh doanh	100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	59	A00	Toán	A01	Toán	D01 D03 D06	Toán	D07 D23 D24	Toán
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN	2								
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	33								
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	14								
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc									

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup>		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
					THPT và kết hợp phỏng vấn									
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN									
				500	Xét tuyển Bằng Tú tài quốc tế									
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế									
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, ACT, A-Level	2								
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM									
6.	Đại học	QHQ06	Marketing	100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	53	A00		A01	Tiếng Anh	D01 D03 D06	Ngoại ngữ	D96 D97 DD0	Ngoại ngữ
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN	2								
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	30								

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup>		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	13									
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn										
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN										
				500	Xét tuyển Bằng Tú tài quốc tế	2									
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế										
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, ACT, A-Level										
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM										
7.	Đại học	QH07	Quản lý	100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	32	A00		A01	Tiếng Anh	D01 D03 D06	Ngoại ngữ	D96 D97 DD0	Ngoại ngữ	

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup>		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN	1								
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	18								
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023									
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn	8								
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN									
				500	Xét tuyển Bằng Tú tài quốc tế	1								
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế									

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup>		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, ACT, A-Level									
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM									
8.	Đại học	QH08	Tự động hóa và Tin học	100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	53	A00	Toán	A01	Toán	D01 D03 D06	Toán	D07 D23 D24	Toán
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN	2								
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	30								
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023									
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn	13								



TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup>		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN									
				500	Xét tuyển Bằng Tú tài quốc tế									
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế									
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, ACT, A-Level	2								
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM									
9.	Đại học	QH09	Ngôn ngữ Anh	100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	53	A01	Tiếng Anh	D01	Tiếng Anh	D78	Tiếng Anh	D90	Tiếng Anh
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN	2								
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	30								
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết	13								

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup>		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
					hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023									
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn									
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN									
				500	Xét tuyển Bằng Tú tài quốc tế									
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế									
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, ACT, A-Level	2								
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM									
10.	Đại học	QHQ10	Công nghệ thông tin ứng dụng	100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	53	A00	Toán	A01	Toán	D01 D03 D06	Toán	D07 D23 D24	Toán
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và	2								

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup>		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
					theo Quy định của ĐHQGHN									
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	30								
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023									
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn	13								
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN									
				500	Xét tuyển Bằng Tú tài quốc tế									
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế	2								
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, ACT, A-Level									

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup>		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4			
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính		
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM											
11.	Đại học	QHQ11	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	59	A00	Toán	A01	Toán	D01 D03 D06	Toán	D07 D23 D24	Toán		
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN	2										
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	33										
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	14										
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn											
500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN															

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup>		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
				500	Xét tuyển Bằng Tú tài quốc tế	2								
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế									
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, ACT, A-Level									
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM									
12.	Đại học	QHQ12	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics	100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	42	A00	Toán	A01	Toán	D01 D03 D06	Toán	D07 D23 D24	Toán
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN	2								
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	24								
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	10								
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết									

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup>		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
					hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn									
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	2								
				500	Xét tuyển Bằng Tú tài quốc tế									
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế									
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, ACT, A-Level									
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM									

Bảng 4: Chỉ tiêu tuyển sinh

**Lưu ý:**

- Trường hợp thí sinh xét tuyển theo từng phương thức nhập học ít hơn chỉ tiêu được duyệt, chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển cho các phương thức còn chỉ tiêu khác.
- Các ngành có mã xét tuyển QHQ04, QHQ08, QHQ09, QHQ10, QHQ11, QHQ12 học một phần thời gian (dự kiến 2 năm đầu) ở Khu đô thị đại học của ĐHQGHN tại Hòa Lạc – Hà Nội.

**Mã tổ hợp xét tuyển vào Trường Quốc tế, ĐHQGHN, năm 2023**

A00: Toán, Vật lí, Hoá học	D06: Toán, Văn, Tiếng Nhật	D78: Văn, Khoa học Xã hội, Tiếng Anh	DD0: Toán, Khoa học Xã hội, Tiếng Nhật
A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh	D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh	D90: Toán, Khoa học Tự nhiên, Tiếng Anh	
D01: Toán, Văn, Tiếng Anh	D23: Toán, Hóa học, Tiếng Nhật	D96: Toán, Khoa học Xã hội, Tiếng Anh	
D03: Toán, Văn, Tiếng Pháp	D24: Toán, Hóa học, Tiếng Pháp	D97: Toán, Khoa học Xã hội, Tiếng Pháp	

## 5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

### 5.1. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của ĐHQGHN

\* Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển cụ thể như sau:

5.1.1. Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (quy định tại khoản 2, Điều 8 của Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học)

Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023 (hoặc tương đương) được xét tuyển thẳng theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài đạt giải khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

(1) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế (môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển của Nhà trường);

(2) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia (có nội dung môn thi, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực phù hợp với ngành đào tạo).

5.1.2. Ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (quy định tại khoản 5, Điều 8 của Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học)

Thí sinh tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành theo quy định của Nhà trường (công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023) được ưu tiên xét tuyển vào các ngành phù hợp với môn thi hoặc đề tài đạt giải khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

(1) Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia (môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển của Nhà trường);

(2) Thí sinh đạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức (có nội dung môn thi, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực phù hợp với ngành đào tạo).

(3) Thí sinh thuộc đối tượng quy định tại mục 5.1.1 dự tuyển vào các ngành theo nguyện vọng (không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng);

5.1.3. Xét tuyển thẳng theo Quy định của ĐHQGHN (quy định tại Quyết định số 4412/QĐ-ĐHQGHN ngày 31/12/2021 về việc ban hành Quy định cơ chế đặc thù trong tuyển sinh và đào tạo liên thông bậc THPT và bậc đại học tại ĐHQGHN)

Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023 (hoặc tương đương), có hạnh kiểm 3 năm học THPT đạt loại Tốt được xét tuyển thẳng vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài đạt giải khi thuộc một trong những đối tượng sau:

- **Đối tượng 1:** Học sinh THPT tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế; trong đội tuyển quốc gia dự cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế; đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; đoạt giải nhất, nhì, ba trong



cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào Trường Quốc tế theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải.

- **Đối tượng 2:** Học sinh THPT hệ chuyên thuộc ĐHQGHN và hệ chuyên của các trường THPT chuyên cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Danh sách các trường tại Phụ lục 3 kèm theo) được xét tuyển thẳng vào Trường Quốc tế theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải nếu tốt nghiệp THPT, có hạnh kiểm 3 năm học THPT đạt loại Tốt và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- a) Đạt giải chính thức trong các kỳ thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế;
- b) Đạt giải chính thức trong các kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;
- c) Đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN.

*5.1.4. Ưu tiên xét tuyển theo Quy định của ĐHQGHN (quy định tại Quyết định số 4412/QĐ-ĐHQGHN ngày 31/12/2021 về việc ban hành Quy định cơ chế đặc thù trong tuyển sinh và đào tạo liên thông bậc THPT và bậc đại học tại ĐHQGHN)*

Thí sinh là học sinh các trường THPT trên toàn quốc đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), có học lực Giỏi, hạnh kiểm Tốt trong 3 năm học THPT, có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành theo quy định của Nhà trường (công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023) được ưu tiên xét tuyển khi thuộc một trong những đối tượng sau:

- **Đối tượng 1:** Học sinh THPT trên toàn quốc đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- a) Đạt giải chính thức trong các kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;
- b) Là thành viên tham gia cuộc thi tháng của chương trình “Đường lên đỉnh Olympia” do Đài truyền hình Việt Nam tổ chức hàng năm và có điểm trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8,5 trở lên;
- c) Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương có môn đạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển hoặc môn đạt giải phù hợp với ngành đào tạo và điểm trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8,5 trở lên.

- **Đối tượng 2:** Học sinh hệ không chuyên của các trường THPT thuộc ĐHQGHN đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- a) Đạt giải chính thức trong các kỳ thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế;
- b) Đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN;
- c) Có kết quả thi Đánh giá năng lực bậc THPT do ĐHQGHN tổ chức đạt tối thiểu 90 điểm (thang điểm 150).

\* **Lưu ý:**

- Ngoài các tiêu chí quy định cho từng đối tượng nêu trên, thí sinh cần có kết quả môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt tối thiểu 6,0 điểm theo thang điểm 10 hoặc có kết quả học tập từng kỳ (6 học kỳ) môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) bậc THPT đạt tối thiểu 7,0 điểm

hoặc sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành.

- Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển;
- Các chứng chỉ quốc tế, đánh giá năng lực, phải còn hạn sử dụng tính đến ngày ĐKXT (thời hạn sử dụng 02 năm kể từ ngày dự thi);
- Thí sinh phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp;
- Đối với thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, quốc tế, cấp ĐHQGHN cần nộp Quyết định cử đi thi của cơ quan có đủ thẩm quyền và Giấy chứng nhận đạt giải;
- Đối với thí sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế hoặc quốc gia cần nộp thêm Nội dung đề tài đạt giải;
- Đối với thí sinh thuộc các đối tượng khác nộp minh chứng phù hợp: kết quả thi ĐGNL còn thời hạn của ĐHQGHN; Xác nhận tham gia các cuộc thi của đơn vị tổ chức hoặc các minh chứng khác (nếu có và khi được yêu cầu).

**\* Nguyên tắc Xét tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển**

1. Xét tuyển theo thứ tự nguyện vọng ưu tiên của thí sinh;
2. Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên căn cứ trên cấp độ giải thưởng (quốc tế, khu vực, quốc gia, cấp tỉnh,..), kết quả học tập THPT hoặc kết quả thi ĐGNL hoặc các kết quả khác;

**Lưu ý:** Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định, hình thức xác nhận do Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) Trường Quốc tế quy định. Quá thời hạn quy định, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và HĐTS được xét tuyển thí sinh khác trong đợt xét tuyển bổ sung.

**5.2. Xét tuyển theo kết quả kì thi tốt nghiệp THPT năm 2023**

Thí sinh được đăng ký xét tuyển (ĐKXT) không giới hạn số nguyện vọng vào các ngành đào tạo tại Trường Quốc tế và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Mỗi thí sinh chỉ trúng tuyển vào một nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi của tổ hợp xét tuyển theo thang điểm 30 cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có), có áp dụng điều kiện phụ (Xem bảng 6).

**+ Trường hợp tổ hợp xét tuyển có môn chính:**

Điểm xét tuyển = (Điểm Môn 1 + Điểm Môn 2 + Điểm Môn chính x 2) / 4 \* 3 + Điểm ưu tiên (khu vực hoặc/và đối tượng)

**+ Trường hợp tổ hợp xét tuyển không có môn chính:**

Điểm xét tuyển = Điểm Môn 1 + Điểm Môn 2 + Điểm Môn 3 + Điểm ưu tiên (khu vực hoặc/và đối tượng)

**Điểm trúng tuyển vào ngành là duy nhất, áp dụng chung cho tất cả tổ hợp xét tuyển**

Thí sinh được phép sử dụng điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS/TOEFL iBT) quy đổi theo thang điểm 10 để thay thế điểm thi tốt nghiệp THPT môn Tiếng Anh.

STT	Trình độ tiếng Anh		Quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo thang điểm 10
	IELTS	TOEFL iBT	
1	5,5	72-78	8,50
2	6,0	79-87	9,00
3	6.5	88-95	9,25
4	7,0	96-101	9,50
5	7,5	102-109	9,75
6	8,0-9,0	110-120	10,00

*Bảng 5: Bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế sang thang điểm 10 theo Hướng dẫn số 626/ĐHQGHN-ĐT ngày 06/3/2023*

**\* Lưu ý:**

- Các chứng chỉ quốc tế phải còn hạn sử dụng tính đến ngày đăng ký xét tuyển (thời hạn sử dụng 02 năm kể từ ngày dự thi);

- Khung điểm ưu tiên đối tượng và khu vực theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học), trong đó:

+ Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

+ Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

+ Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo quy định}$$

**5.3. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN**

Thí sinh sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực học sinh THPT (ĐGNL) còn thời hạn do ĐHQGHN tổ chức đạt tối thiểu 80/150 điểm và có kết quả môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt tối thiểu 6,0 điểm theo thang điểm 10 hoặc có kết quả học tập từng kỳ (6 học kỳ) môn Ngoại ngữ (tiếng

Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) bậc THPT đạt tối thiểu 7,0 điểm hoặc sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành.

#### **5.4. Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT hoặc kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN hoặc kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023**

##### **(1) Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh kết hợp kết quả học tập bậc THPT và phỏng vấn**

Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT từ 72 trở lên, đồng thời có điểm trung bình chung kết quả học tập bậc THPT của hai (02) môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển (*trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc môn Ngữ Văn*) đạt từ 8,0 điểm trở lên, từng kỳ không có môn nào dưới 7,0 điểm và đạt điều kiện phỏng vấn của Trường Quốc tế.

Điểm xét tuyển là tổng điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (quy đổi theo Bảng 5, mục 5.2) và điểm trung bình chung học tập 03 năm bậc THPT của hai (02) môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển và đạt điều kiện phỏng vấn do Trường Quốc tế tổ chức.

##### **2) Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh kết hợp kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN**

Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT từ 72 trở lên, đồng thời có kết quả kỳ thi ĐGNL còn thời hạn của ĐHQGHN đạt tối thiểu 80/150 điểm.

Điểm xét tuyển là tổng điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (quy đổi theo Bảng 5, mục 5.2) và điểm thi ĐGNL được quy đổi sang thang 20 điểm.

##### **(3) Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023**

Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT từ 72 trở lên, đồng thời có tổng điểm 2 môn thi/bài thi còn lại trong tổ hợp xét tuyển (*trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc môn Ngữ văn*) đạt từ 14 điểm trở lên trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023.

Điểm xét tuyển là tổng điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (quy đổi theo Bảng 5, mục 5.2) và điểm hai (02) môn thi/bài thi còn lại trong tổ hợp xét tuyển.

#### **\* Lưu ý:**

- Để đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành học trong năm tuyển sinh;
- Điểm tối thiểu từng kỹ năng của chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS là 4.5 và của chứng chỉ tiếng Anh quốc tế TOEFL iBT là 15 điểm;
- Các chứng chỉ thi bằng hình thức online không được chấp nhận.

#### **\* Nguyên tắc xét tuyển**

Quy đổi điểm theo đúng hướng dẫn của ĐHQGHN và xét từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu phân bổ (không quá 15% chỉ tiêu).

#### **5.5. Xét tuyển các phương thức khác**

##### **5.5.1. Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM:**

Thí sinh có kết quả thi ĐGNL còn thời hạn của ĐHQG-HCM đạt tối thiểu 750/1.200 điểm, và có kết quả môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt tối thiểu 6,0 điểm theo thang điểm 10 hoặc có kết quả học tập từng kỳ (6 học kỳ) môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) bậc THPT đạt tối thiểu 7,0 điểm hoặc sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành.

*5.5.2. Xét tuyển theo chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Vương quốc Anh (A-Level):* Thí sinh có kết quả 3 môn thi trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc Ngữ văn theo các tổ hợp quy định của ngành đào tạo tương ứng, đảm bảo mỗi môn đạt từ 60/100 điểm trở lên (tương đương điểm C, PUM range  $\geq 60$ ).

*5.5.3. Xét tuyển theo kết quả kì thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ):* Thí sinh có kết quả SAT đạt từ 1100/1600 trở lên. Mã đăng ký của ĐHQGHN với Tổ chức thi SAT (The College Board) là 7853-Vietnam National University-Hanoi(Thí sinh phải khai báo mã đăng ký trên khi đăng ký thi SAT).

*5.5.4. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi chuẩn hóa ACT (American College Testing):* Thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT đạt từ 22/36 điểm trở lên.

*5.5.5. Xét tuyển bằng tốt nghiệp Tú tài quốc tế (IB)*

Thí sinh có bằng tốt nghiệp Tú tài quốc tế (International Baccalaureate) với mức điểm từ 24/42 trở lên, trong đó điểm thành phần môn Toán, Tiếng Anh đạt tối thiểu 4/7 và đạt yêu cầu phỏng vấn của Trường Quốc tế.

Hình thức phỏng vấn: trực tiếp tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN hoặc trực tuyến (đối với các thí sinh ở nước ngoài, thí sinh ở xa).

Kết quả xét tuyển hồ sơ kết hợp phỏng vấn: Điểm xét tuyển = điểm kết quả tốt nghiệp tú tài x 0.7 + điểm kết quả phỏng vấn x 0.3 Xét từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu.

Trường hợp các thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau, Hội đồng tuyển sinh sẽ tiếp tục xét điểm thành phần môn Toán từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu.

*5.5.6. Xét tuyển thí sinh quốc tế*

Thí sinh là người nước ngoài đáp ứng các yêu cầu theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Quy định của ĐHQHN, các tiêu chí cụ thể như sau:

- Tốt nghiệp chương trình THPT hoặc tương đương;
- Đạt yêu cầu về điều kiện tiếng Anh đầu vào theo quy định;
- Đạt điều kiện phỏng vấn của Trường Quốc tế;
- Có đủ sức khỏe để học tập, nghiên cứu được các cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận;
- Có đủ khả năng về tài chính đảm bảo học tập, nghiên cứu và sinh hoạt tại Việt Nam trong thời gian học tập tương ứng;
- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, không vi phạm pháp luật của Việt Nam và nước sở tại.

\* **Lưu ý:**

- Các chứng chỉ quốc tế, đánh giá năng lực phải còn hạn sử dụng tính đến ngày đăng ký xét tuyển (thời hạn sử dụng 02 năm kể từ ngày dự thi).

- Thí sinh được đăng ký xét tuyển tối đa 02 nguyện vọng vào trường và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp;

- Khung điểm ưu tiên đối tượng và khu vực theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học), trong đó:

+ Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

+ Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

+ Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

*Điểm ưu tiên = [(30 – Tổng điểm đạt được)/7,5] x Mức điểm ưu tiên theo quy định*

**\* Nguyên tắc xét tuyển các phương thức từ 5.2 đến 5.5**

- Xét tuyển theo thứ tự nguyện vọng ưu tiên của thí sinh;  
- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu của từng phương thức xét tuyển.

**\* Điều kiện ngoại ngữ của các chương trình:**

- Sinh viên Chương trình Tin học và Kỹ thuật máy tính cần đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu B1 theo Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu (tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) để được công nhận là sinh viên chính thức.

Miễn điều kiện tiếng Anh đầu vào nói trên đối với các thí sinh có các chứng chỉ còn hạn sử dụng tương đương IELTS 5.0 hoặc bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ A-Level, hoặc có kết quả kỳ thi chuẩn hóa SAT, ACT đạt điểm trúng tuyển trở lên.

- Sinh viên Chương trình cấp hai bằng cử nhân ngành Quản lý (ĐHQGHN và Trường ĐH Keuka, Hoa Kỳ) cần đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ B2 theo Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu để được công nhận là sinh viên chính thức.

- Sinh viên Chương trình cấp 2 bằng cử nhân ngành Marketing (ĐHQGHN và Trường ĐH HELP, Malaysia) cần có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 hoặc tương đương để được công nhận là sinh viên chính thức.

- Sau khi trúng tuyển nhập học, để được đăng kí học các học phần thuộc khối kiến thức theo nhóm ngành và ngành, sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu B2 theo Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu (tương đương bậc 4 theo

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc IELTS 5.5 hoặc tương đương).

- Sinh viên Chương trình Công nghệ thông tin ứng dụng, Công nghệ tài chính và kinh doanh số, Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics phải đạt trình độ B2 tương đương bậc 4 trong khung năng lực 6 bậc của Việt Nam sau khi kết thúc năm thứ 2.

- Sinh viên Chương trình Tự động hóa và Tin học phải đạt trình độ B2 tương đương bậc 4 trong khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam sau khi kết thúc năm thứ 3.

- Sinh viên chưa đạt trình độ tiếng Anh theo yêu cầu sẽ phải tham gia học Chương trình đào tạo Tiếng Anh dự bị của Trường Quốc tế (cùng với một số học phần thuộc khối kiến thức chung) trong năm học thứ nhất.

- Sinh viên Chương trình Ngôn ngữ Anh phải đạt trình độ tối thiểu C1 theo khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung Châu Âu (tương đương bậc 5 theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam) mới được xét công nhận tốt nghiệp.

- Sinh viên Chương trình cấp 2 bằng cử nhân ngành Quản lý (ĐHQGHN và Trường ĐH Keuka, Hoa Kỳ) phải có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 6.0 hoặc đạt điểm môn ENG104 từ 6/9 điểm trở lên mới được xét công nhận tốt nghiệp.

- Sinh viên Chương trình cấp 2 bằng cử nhân ngành Marketing (ĐHQGHN và Trường ĐH HELP, Malaysia) phải có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS hoặc tương đương đạt từ 5.5 trở lên mới được xét công nhận tốt nghiệp.

## **6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành của trường**

- Mã số trường: **QHQ**

- Mã phương thức xét tuyển:

<b>Stt</b>	<b>Tên phương thức xét tuyển</b>	<b>Mã phương thức xét tuyển</b>
1	Xét tuyển theo kết quả kì thi tốt nghiệp THPT năm 2023	100
2	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023	409
3	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và phỏng vấn	410
4	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực (HSA) do ĐHQGHN tổ chức	500
5	Xét tuyển theo chứng chỉ quốc tế và kết quả kì thi chuẩn hóa ( A-Level, SAT, ACT)	408

<b>Stt</b>	<b>Tên phương thức xét tuyển</b>	<b>Mã phương thức xét tuyển</b>
6	Xét tuyển thí sinh quốc tế	411
7	Xét tuyển theo bằng Tú tài quốc tế (International Baccalaureate)	500
8	Xét tuyển theo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực (HSA) do ĐHQGHN tổ chức	401
9	Xét tuyển theo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG HCM tổ chức	402
10	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD-ĐT	301
11	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQGHN.	303

***Ghi chú: Sau khi nộp hồ sơ xét tuyển tại Trường Quốc tế, thí sinh bắt buộc tiếp tục đăng ký xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT.***

***- Mã xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển***



Stt	Trình độ đào tạo	Mã xét tuyển	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo xét KQ thi THPT	Theo phương thức khác	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
<b>Khối ngành III</b>													
1	Đại học	QH01	Kinh doanh quốc tế	138	122	A00		A01	Tiếng Anh	D01, D03, D06	Ngoại ngữ	D96, D97, DD0	Ngoại ngữ
2	Đại học	QH02	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	97	83	A00		A01	Tiếng Anh	D01, D03, D06	Ngoại ngữ	D96, D97, DD0	Ngoại ngữ
3	Đại học	QH03	Hệ thống thông tin quản lý	53	47	A00		A01	Tiếng Anh	D01, D03, D06	Ngoại ngữ	D96, D97, DD0	Ngoại ngữ
4	Đại học	QH05	Phân tích dữ liệu kinh doanh	59	51	A00	Toán	A01	Toán	D01, D03, D06	Toán	D07, D23, D24	Toán
5	Đại học	QH06	Marketing (chương trình đào tạo cấp 2 bằng ĐH của ĐHQGHN và trường ĐH HELP - Malaysia)	53	47	A00		A01	Tiếng Anh	D01, D03, D06	Ngoại ngữ	D96, D97, DD0	Ngoại ngữ
6	Đại học	QH07	Quản lý (chương trình đào tạo cấp 2 bằng ĐH của ĐHQGHN và trường ĐH Keuka – Hoa Kỳ)	32	28	A00		A01	Tiếng Anh	D01, D03, D06	Ngoại ngữ	D96, D97, DD0	Ngoại ngữ

Stt	Trình độ đào tạo	Mã xét tuyển	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo xét KQ thi THPT	Theo phương thức khác	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
<b>Khối ngành V</b>													
7	Đại học	QH04	Tin học và Kỹ thuật máy tính	53	47	A00	Toán	A01	Toán	D01, D03, D06	Toán	D07, D23, D24	Toán
8	Đại học	QH08	Kỹ sư Tự động hóa và Tin học	53	47	A00	Toán	A01	Toán	D01, D03, D06	Toán	D07, D23, D24	Toán
9	Đại học	QH10	Công nghệ thông tin ứng dụng	53	47	A00	Toán	A01	Toán	D01, D03, D06	Toán	D07, D23, D24	Toán
10	Đại học	QH11	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	59	51	A00	Toán	A01	Toán	D01, D03, D06	Toán	D07, D23, D24	Toán
11	Đại học	QH12	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics	42	38	A00	Toán	A01	Toán	D01, D03, D06	Toán	D07, D23, D24	Toán
<b>Khối ngành VII</b>													
12	Đại học	QH09	Ngôn ngữ Anh (chuyên sâu Kinh doanh - Công nghệ thông tin)	53	47	A01	Tiếng Anh	D01	Tiếng Anh	D78	Tiếng Anh	D90	Tiếng Anh
<b>Điều kiện phụ:</b> Điểm môn chính nhân hệ số 2: Đối với tất cả các tổ hợp xét tuyển, thí sinh phải đạt điểm thi tốt nghiệp THPT (năm 2023) môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) tối thiểu 6 điểm (theo thang điểm 10), trừ đối tượng được miễn thi môn này.													

Bảng 6: Thông tin cần thiết để thí sinh ĐKXT vào các ngành

Ghi chú:

- Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp: Không

<b>Mã tổ hợp xét tuyển vào Trường Quốc tế, ĐHQGHN, năm 2023</b>			
A00: Toán, Vật lí, Hoá học	D06: Toán, Văn, Tiếng Nhật	D78: Văn, Khoa học Xã hội, Tiếng Anh	DD0: Toán, Khoa học Xã hội, Tiếng Nhật
A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh	D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh	D90: Toán, Khoa học Tự nhiên, Tiếng Anh	
D01: Toán, Văn, Tiếng Anh	D23: Toán, Hóa học, Tiếng Nhật	D96: Toán, Khoa học Xã hội, Tiếng Anh	
D03: Toán, Văn, Tiếng Pháp	D24: Toán, Hóa học, Tiếng Pháp	D97: Toán, Khoa học Xã hội, Tiếng Pháp	

## 7. Tổ chức tuyển sinh

### 7.1. Thời gian xét tuyển

#### 7.1.1. Xét tuyển đợt 1

- Thời gian nộp hồ sơ với các phương thức: (1) Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của ĐHQGHN; (2) Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN; (3) Xét tuyển kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT hoặc kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN; (4) Xét tuyển theo các phương thức khác dự kiến từ 08/5/2023 đến 17h00 ngày 20/6/2023.

- Thời gian xét tuyển theo các phương thức: (1) Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023; (2) Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 do Bộ GD-ĐT và ĐHQGHN quy định (dự kiến đến 17h00 ngày 20/8/2023).

- Thời gian xét tuyển được cập nhật theo Hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và được thông báo trên website chính thức của Trường Quốc tế - ĐHQGHN: <https://truongquocte.edu.vn>, [www.is.vnu.edu.vn](http://www.is.vnu.edu.vn).

#### 7.1.2. Xét tuyển đợt bổ sung (dự kiến, nếu còn chỉ tiêu)

Thời gian và quy định cụ thể xét tuyển của từng ngành học tương ứng sẽ được công bố trên website của ĐHQGHN và của Trường Quốc tế.

### 7.2. Hình thức đăng ký xét tuyển:

- **Đối với các phương thức:** (1) Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của ĐHQGHN; (2) Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN; (3) Xét tuyển kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT hoặc kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN; (4) Xét tuyển các chứng chỉ quốc tế, kết quả các kỳ thi chuẩn hoá chung, bao gồm: A-Level, SAT, ACT, IB thí sinh nộp hồ sơ ĐKXT (theo mẫu quy định của Trường Quốc tế - ĐHQGHN tại Phụ lục 2 Đề án này) và lệ phí xét tuyển theo hình thức trực tuyến/online tại địa chỉ: <https://ts.isvnu.vn>, đồng thời thí sinh nộp hồ sơ bản cứng theo quy định, thời hạn chậm nhất là ngày 20/6/2023 theo thông báo chi tiết của Trường. Những trường hợp đặc biệt, thí sinh không thể nộp hồ sơ xét tuyển trực tuyến, thí sinh liên hệ hotline để được cán bộ phụ trách hướng dẫn trực tiếp.

- **Đối với phương thức xét Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023:** thí sinh nộp hồ sơ ĐKXT (theo mẫu quy định của Trường Quốc tế - ĐHQGHN tại Phụ lục 2 Đề án này) và lệ phí xét tuyển theo hình thức trực tuyến/online tại địa chỉ: <https://ts.isvnu.vn> theo thông báo chi tiết của Trường và hướng dẫn tuyển sinh năm 2023 của Bộ GD&ĐT.

- **Đối với phương thức xét Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023:** thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến/online theo kế hoạch và hướng dẫn tuyển sinh năm 2023 của Bộ GD&ĐT trên Hệ thống.

### 7.3. Địa chỉ hỗ trợ thí sinh ĐKXT:

**Địa chỉ 1:** Bộ phận Tuyển sinh – Phòng Công tác sinh viên, Phòng 302, tầng 3, Nhà C, Làng Sinh viên HACINCO, 79 Ngụy Như Kon Tum, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội. Điện thoại: (024) 3555 3555.

**Địa chỉ 2:** Văn phòng Tuyển sinh Trường Quốc tế - Nhà E5, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: **(024) 3555 3555**.

Lưu ý: Trong trường hợp có thay đổi về lịch tuyển sinh vì các lý do bất khả kháng theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN, Trường Quốc tế sẽ thông tin cập nhật trên website của Trường.

#### **8. Chính sách ưu tiên**

Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN: chi tiết xem tại mục 1.2.

#### **9. Lệ phí xét tuyển**

- Lệ phí hồ sơ xét tuyển theo phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT: theo quy định của Bộ GD&ĐT;
- Lệ phí hồ sơ xét tuyển theo các phương thức khác: 30.000 VNĐ/ hồ sơ;
- Lệ phí phỏng vấn theo phương thức xét kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT: 300.000 VNĐ/ thí sinh.

## 10. Học phí

### 10.1. Học phí các chương trình đào tạo đại học do ĐHQGHN cấp bằng

Mức học phí dự kiến áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: VND

TT	Ngành đào tạo	Thời gian đào tạo	Học phí năm học 2023-2024	Học phí năm học 2024-2025	Học phí năm học 2025-2026	Học phí năm học 2026-2027	Học phí năm học 2027-2028	Tổng học phí cả khóa học (dự kiến)
1	Kinh doanh quốc tế	04 năm	50.600.000	50.600.000	50.600.000	50.600.000		202.400.000
2	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	04 năm	50.600.000	50.600.000	50.600.000	50.600.000		202.400.000
3	Hệ thống thông tin quản lý	04 năm	35.250.000	39.750.000	44.750.000	50.300.000		170.050.000
4	Tin học và Kỹ thuật máy tính (chương trình liên kết quốc tế do ĐHQGHN cấp bằng)	04 năm	41.000.000	46.250.000	52.250.000	58.700.000		198.200.000
5	Phân tích dữ liệu kinh doanh	04 năm	35.250.000	39.750.000	44.750.000	50.300.000		170.050.000
6	Ngôn ngữ Anh (chuyên sâu Kinh doanh – Công nghệ thông tin)	04 năm	37.500.000	42.250.000	47.750.000	53.700.000		181.200.000
7	Kỹ sư Tự động hóa và Tin học	4,5 năm	41.000.000	46.250.000	52.250.000	58.700.000	33.000.000	231.200.000
8	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	04 năm	41.000.000	46.250.000	52.250.000	58.700.000		198.200.000

<b>TT</b>	<b>Ngành đào tạo</b>	<b>Thời gian đào tạo</b>	<b>Học phí năm học 2023-2024</b>	<b>Học phí năm học 2024-2025</b>	<b>Học phí năm học 2025-2026</b>	<b>Học phí năm học 2026-2027</b>	<b>Học phí năm học 2027-2028</b>	<b>Tổng học phí cả khóa học (dự kiến)</b>
9	Công nghệ thông tin ứng dụng	04 năm	41.000.000	46.250.000	52.250.000	58.700.000		198.200.000
10	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics	04 năm	41.000.000	46.250.000	52.250.000	58.700.000		198.200.000

Bảng 7: Mức học phí dự kiến đối với các chương trình đào tạo do ĐHQGHN cấp bằng (áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2023)

- Mức học phí trên không bao gồm học phí học chương trình tiếng Anh dự bị, phí thi lại, học lại, học cải thiện điểm và các khoản phí khác nếu sinh viên không đảm bảo được tiến độ, điều kiện và chất lượng của chương trình đào tạo.

- Các khoản thu được thực hiện vào đầu mỗi học kì theo thông báo thu của Trường, mức thu mỗi học kỳ căn cứ theo số tín chỉ đăng ký học trong kỳ hoặc tính bình quân học phí và phí dịch vụ mỗi học kỳ theo kế hoạch đào tạo của Trường.

### **10.2. Học phí các chương trình đào tạo song bằng do ĐHQGHN và trường đối tác cùng cấp bằng**

Học phí không thay đổi trong suốt 4 năm học như sau:

Đơn vị tính: VND

TT	Ngành đào tạo	Đơn vị cấp bằng	Học phí /khóa học/sinh viên	Ghi chú
1	Marketing song bằng do VNU và Đại học HELP, Malaysia cùng cấp bằng (đào tạo bằng tiếng Anh)	ĐHQGHN và trường Đại học HELP – Malaysia	322.000.000	Mức học phí này đã bao gồm tiền học phí của 01 học kỳ sinh viên học tại Đại học HELP, Malaysia
2	Quản lý song bằng do VNU và Đại học Keuka, Mỹ cùng cấp bằng (đào tạo bằng tiếng Anh)	ĐHQGHN và trường Đại học Keuka – Hoa Kỳ	450.800.000	Mức học phí này đã bao gồm tiền học phí của 01 học kỳ sinh viên học tại Đại học Keuka, Hoa Kỳ.

*Bảng 8: Mức học phí dự kiến đối với các chương trình đào tạo do ĐHQGHN và trường đối tác nước ngoài cùng cấp bằng*

#### **\* Lưu ý:**

- Mức học phí trên không bao gồm học phí chương trình tiếng Anh dự bị, phí thi lại, học lại, học cải thiện điểm và các khoản phí khác nếu sinh viên không đảm bảo được tiến độ, điều kiện và chất lượng của chương trình đào tạo;

- Mức học phí trên không thay đổi trong suốt 4 năm học, đã bao gồm tiền học phí của 01 học kỳ sinh viên học tại Đại học đối tác tại nước ngoài (chưa bao gồm các khoản kinh phí ăn ở, đi lại, visa, chi phí khác phát sinh);

- Các khoản thu được thực hiện vào đầu mỗi học kì theo thông báo thu của Trường, mức thu mỗi học kỳ căn cứ theo số tín chỉ đăng ký học trong kỳ hoặc tính bình quân học phí và phí dịch vụ mỗi học kỳ theo kế hoạch đào tạo của Trường.

### **10.3. Học phí chương trình đào tạo tiếng Anh dự bị**

Học phí chương trình tiếng Anh dự bị là 11.165.000 VNĐ/1 cấp độ/1 sinh viên (Mười một triệu, một trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Thông tin chi tiết về Chương trình đào tạo tiếng Anh dự bị xem tại <https://www.is.vnu.edu.vn/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao-tieng-anh-du-bi>



## **11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm**

Theo lịch chung của Bộ GD&ĐT và theo thông báo cập nhật của Trường

- Đợt 1: 17h00 ngày 20/8/2023

- Đợt 2 (nếu còn chỉ tiêu): đến hết tháng 10/2023 (trừ đối tượng thí sinh quốc tế).

## **12. Việc đơn vị đào tạo thực hiện cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro**

Trường cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo pháp luật hiện hành của Nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN.

## **13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước**

### **13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo.**

<https://www.is.vnu.edu.vn/doi-song-sinh-vien/cac-hoat-dong-huong-nghiep>

<https://www.is.vnu.edu.vn/doi-song-sinh-vien/cong-thong-tin-viec-lam>

### **13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học**

- Tăng cường tính chất thực hành, thực tế tại doanh nghiệp và mời giảng viên đến từ doanh nghiệp chia sẻ với sinh viên;

- Sử dụng nguồn giảng viên thỉnh giảng cho các ngành về máy tính và công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu đào tạo theo quy định của Bộ GD-ĐT.

### **14. Tài chính**

- Tổng nguồn thu hợp pháp năm 2022 của Trường là: 190.527.849.838 đồng;

- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm 2022 là: 34.000.000 đồng/sinh viên.

### **15. Các thông tin khác**

#### **15.1. Chương trình Học bổng Tài năng vào Trường Quốc tế năm học 2023-2024**

Trường Quốc tế xét cấp 53 suất Học bổng Tài năng, trong đó 13 suất học bổng trị giá miễn học phí 100% toàn bộ khóa học tại Trường Quốc tế và 40 suất học bổng trị giá miễn học phí 50% khóa học cho các thí sinh được xét tuyển thẳng hoặc xét theo phương thức khác vào Trường Quốc tế đáp ứng **một** trong các tiêu chí sau:

- Thí sinh trúng tuyển thẳng Trường Quốc tế theo quy chế của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN;

- Thí sinh trúng tuyển theo phương thức xét chứng chỉ tiếng Anh Quốc tế (IELTS/TOEFL) kết hợp kết quả học tập bậc THPT hoặc kết quả kỳ thi ĐGNL của ĐHQGHN có chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 7.0 hoặc TOEFL iBT từ 96 điểm trở lên.

- Thí sinh trúng tuyển vào Trường Quốc tế theo các phương thức khác có kết quả chứng chỉ A-Level/SAT/ACT/ĐGNL với kết quả cao (A-Level: từ 75/100 trở lên,

SAT: từ 1250/1600 trở lên, ACT: từ 26/36 trở lên, IB: từ 30/42 trở lên, Đánh giá năng lực của ĐHQGHN: từ 100/150 trở lên, Đánh giá năng lực của ĐHQGHCM từ 850/1200.

**Nguyên tắc xét:** Từ cao xuống thấp theo thành tích học tập và hoạt động ngoại khóa, bài luận về chương trình hành động, kết quả phỏng vấn với Trường Quốc tế (trừ các thí sinh có thành tích đặc biệt xuất sắc được Hội đồng Thi đua, khen thưởng - Kỷ luật sinh viên xem xét miễn phỏng vấn) cho tới khi hết chỉ tiêu.

**Thời gian dự kiến công bố kết quả cấp Học bổng Tài năng:** từ ngày 25/7/2023 đến ngày 27/7/2023

**15.2. Chương trình Học bổng dài hạn, ngắn hạn khác:**

STT	Loại hình học bổng	Đối tượng	Tên học bổng	Mức học bổng
<b>I</b>	<b>HỌC BỔNG ĐẦU VÀO</b>			
1	Học bổng Thu hút nhân tài	Sinh viên có kết quả thi THPT xuất sắc, chứng chỉ IELTS, TOEFL iBT, A-Level, SAT, ACT, ĐGNL với kết quả cao	Học bổng Chu Văn An	100% học phí toàn khoá
			Học bổng Nguyễn Văn Đạo	20.000.000đ/năm
			Học bổng Hiệu trưởng VNU-IS	15.000.000đ/năm
2	Học bổng Tài năng	Sinh viên có thành tích xuất sắc được tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD-ĐT	Học bổng tài năng VNU-IS	50% - 100% học phí toàn khoá
			Học bổng Tài năng Công nghệ VNU-IS	100% học phí kỳ học đầu tiên
			Học bổng Tài năng Ngôn ngữ VNU-IS	
3	Học bổng sinh viên quốc tế	Sinh viên quốc tế có kết quả học tập tốt	Việt Nam	100% học phí toàn khoá
			Hà Nội	50% học phí toàn khoá
			Học bổng Sinh viên Quốc tế VNUIS	100% học phí học kì đầu
4	Học bổng dành cho sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, thi đỗ vào Trường Quốc tế và có nguyện vọng học	Học bổng Chân trời mới	100% học phí toàn khoá

STT	Loại hình học bổng	Đối tượng	Tên học bổng	Mức học bổng
	khăn vunen lên trong học tập	tập tại môi trường quốc tế chất lượng cao		
<b>II</b>	<b>HỌC BỔNG NGẮN HẠN</b>			
1	Học bổng khuyến khích học tập	Sinh viên đạt thành tích học tập giỏi, xuất sắc	Học bổng Xuất sắc hạng I	25.000.000đ/học kì
			Học bổng Xuất sắc hạng II	20.000.000đ/học kì
			Học bổng Xuất sắc hạng III	15.000.000đ/học kì
			Học bổng Giỏi hạng I	10.000.000đ/học kì
			Học bổng Giỏi hạng II	7.000.000đ/học kì
		Sinh viên đạt thành tích học tập cao trong chương trình tiếng Anh dự bị	Học bổng Công dân toàn cầu	5.000.000 đ
2	Học bổng hỗ trợ học tập	Hoàn cảnh khó khăn, người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng	Học bổng Tương thân tương ái VNU-IS	15% - 100% học phí/ học kì
3	Học bổng các trường đối tác	Sinh viên đạt thành tích học tập tốt, là đại diện tiêu biểu của ngành học	Học bổng Study tour tại ĐH Help/ ĐH Keuka tại Đà Nẵng	500\$ - 1000\$
			Học bổng Hiệu trưởng VNU-IS HELP, VNUIS - Keuka	1300\$-2500\$
			Học bổng đại sứ sinh viên VNUIS - HELP, VNUIS - Keuka	400\$-700\$

STT	Loại hình học bổng	Đối tượng	Tên học bổng	Mức học bổng
4	Học bổng cho học sinh/sinh viên có thành tích nghiên cứu khoa học, hoạt động xã hội, hoạt động phong trào đặc biệt xuất sắc.	Sinh viên có thành tích, năng khiếu xuất sắc ở các lĩnh vực khác nhau	Học bổng Ngôi sao VNU-IS	Từ 5.000.000đ tới 100% học phí toàn khoá

Bảng 9: Một số chương trình học bổng dài hạn, ngắn hạn của Trường Quốc tế

Bên cạnh hệ thống học bổng của Trường Quốc tế và các trường đối tác, Nhà trường chủ động tìm kiếm các nguồn học bổng tài trợ cho sinh viên thông qua các tổ chức, cá nhân, đối tác trong và ngoài nước của ĐHQGHN và của Nhà trường.

Mỗi năm, có khoảng 20-30 chương trình học bổng được các doanh nghiệp, tập đoàn tài trợ cho sinh viên với tổng giá trị lên tới hàng tỷ đồng. Những sinh viên đạt được những thành tích trong học tập, nghiên cứu khoa học, công tác xã hội hoặc có hoàn cảnh khó khăn sẽ có nhiều cơ hội được nhận học bổng có giá trị cụ thể sau:

TT	Tên học bổng	STT	Tên học bổng
1	Học bổng Kumho Asiana	9	Học bổng Annex
2	Học bổng Mitsubishi, Nhật Bản	10	Học bổng ADF, Hàn Quốc
3	Học bổng Posco, Hàn Quốc	11	Chương trình học bổng quốc tế Nitori, Nhật Bản
4	Học bổng Pony Chung, Hàn Quốc	12	Học bổng thấp sáng niềm tin
5	Học bổng Yamada, Nhật Bản	13	Học bổng Đinh Thiện Lý
6	Học bổng Shinnyo, Nhật Bản	14	Học bổng EVN
7	Học bổng Vingroup	15	Học bổng KBSV
8	Học bổng K-T		

Bảng 10: Các chương trình học bổng doanh nghiệp dành cho sinh viên

### 15.3. Thông tin khác về các chương trình đào tạo đại học chính quy tại Trường Quốc tế

#### 15.3.1. Cơ hội của sinh viên khi học tập tại Trường Quốc tế

- Được học tập và nghiên cứu trực tiếp hoàn toàn trong môi trường bằng tiếng Anh với các giảng viên có trình độ cao, thành thạo ngoại ngữ; được tiếp cận với chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, quy trình kiểm tra đánh giá tiên tiến theo chuẩn giáo dục của các trường đại học nước ngoài;

- Được học các học phần có giảng viên nước ngoài trực tiếp giảng dạy (20 - 25% các học phần chuyên ngành);

- Được tiếp cận nguồn học liệu bằng tiếng nước ngoài phong phú tại Trường Quốc tế (15.281 đầu sách giáo trình và sách tham khảo bản quốc tế, dịch vụ tư vấn và tập huấn kỹ năng học tập, nghiên cứu từ hệ thống Thư viện truy cập mở hiện đại của Trường Quốc tế) và của ĐHQGHN (kho tài liệu in với **125.000** tên tài liệu tương đương **450.000** bản tài liệu; 500 tên ấn phẩm định kỳ; 25.000 tên luận văn, luận án; 2.000 đề tài kết quả nghiên cứu. Kho tài liệu số bao gồm **50.000** tên tài liệu tương đương với **3 triệu trang tài liệu**. Cơ sở dữ liệu trực tuyến: Sciences Direct, Springer, Nature, ACM, IG Publishing, Emerald;

- Được tham gia hoạt động ngoại khóa, kỹ năng mềm; có cơ hội thực tập, trải nghiệm thực tế ở các công ty, tập đoàn; tham gia các dự án khởi nghiệp thông qua các câu lạc bộ văn hóa và chuyên ngành, hệ thống dịch vụ tư vấn học tập và hướng nghiệp, mạng lưới Alumni, các hoạt động của Đoàn thanh niên Trường Quốc tế;

- Được trao đổi học tập ngắn hạn ở nhiều trường đại học đối tác uy tín tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Thái Lan, Malaysia, ...;

- Được làm việc, giao lưu, học hỏi cùng các sinh viên quốc tế đến từ mạng lưới các trường đại học đối tác của Trường Quốc tế.

- Sinh viên các ngành Kinh doanh quốc tế; Kế toán, Phân tích và Kiểm toán; Hệ thống thông tin quản lý có thể đăng ký để lấy bằng cử nhân thứ 2 tại Khoa Luật – ĐHQGHN hoặc tại Trường ĐH Ngoại ngữ – ĐHQGHN;

- Được công nhận tương đương kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ khi đăng ký học chuyển tiếp tại các trường đại học uy tín nước ngoài theo quy định của Trường Quốc tế như Trường ĐH Canberra, ĐH Nam Australia, ĐH Western Sydney, ĐH Curtin (Úc), ĐH Heriot-Watt, ĐH Huddersfield (Anh), ĐH Missouri State, ĐH Arizona (Mỹ), ĐH Chienkuo, ĐH Khoa học và Công nghệ Lunghwa (Đài Loan), ĐH HELP (Malaysia). Thông tin chi tiết xem tại: <https://bit.ly/Thongtinchuyentiep>

- Chương trình cử nhân Kế toán, Phân tích và Kiểm toán là chương trình thứ hai tại Việt Nam trong tổng số 758 chương trình kế toán được Hiệp hội Kế toán Công chứng Úc (Certified Practising Accountant Australia-CPA Australia) công nhận tại Úc, Trung Quốc, Malaysia, New Zealand, Hồng Kông và nhiều nước khác. Sinh viên của Trường Quốc tế- ĐHQGHN tốt nghiệp chương trình này sẽ được miễn hoàn toàn 6 môn Foundation trong chương trình CPA Australia và sẽ có cơ hội trở thành Hội viên dự bị của CPA Australia ngay sau khi tốt nghiệp và bắt đầu theo học các môn chuyên ngành;

- Các chương trình đào tạo của Trường Quốc tế theo mô hình cấp hai bằng cử nhân mang lại cơ hội trải nghiệm đại học độc đáo và giá trị cho sinh viên. Với một học kì học tập tại trường đại học đối tác, chương trình giúp sinh viên mở rộng tầm nhìn, hiểu biết và phát triển các kĩ năng mềm vượt trội. Mức học phí trong kì học tại nước ngoài không thay đổi so với kì học tại Việt Nam. Sinh viên tốt nghiệp chương trình được nhận đồng thời hai bằng cử nhân từ ĐHQGHN và trường đại học nước ngoài.

- Chương trình Tự động hóa và Tin học là chương trình kỹ sư đầu tiên tại Trường Quốc tế, ĐHQGHN. Chương trình do ĐHQGHN cấp bằng, được xây dựng dựa trên chương trình Hệ thống điều khiển và Công nghệ thông tin trong Công nghiệp của Học viện Hàng không Mát-xcơ-va, LB Nga (MAI). Sinh viên theo học chương trình có cơ hội chuyên tiếp sang học tại Học viện Hàng không Mát-xcơ-va và nhận các suất học bổng hiệp định giữa 2 chính phủ Việt Nam và LB Nga. Sinh viên tốt nghiệp chương trình sẽ được nhận bằng Kỹ sư.

- Chương trình Cử nhân Ngôn ngữ Anh (chuyên sâu Kinh doanh - Công nghệ thông tin) là chương trình đầu tiên của Việt Nam do ĐHQGHN phát triển và cấp bằng, tích hợp giữa ngôn ngữ Anh và kiến thức chuyên ngành chuyên sâu về kinh doanh hoặc công nghệ thông tin. Sinh viên tốt nghiệp chương trình có thể đảm nhận 1 trong 4 nhóm vị trí việc làm đặc trưng của cử nhân Ngôn ngữ Anh nhưng có định hướng chuyên sâu và hoàn toàn khác biệt với những chương trình cử nhân Ngôn ngữ Anh thông thường.

- Các chương trình: **Công nghệ thông tin ứng dụng; Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics; Công nghệ Tài chính và Kinh doanh số** là các chương trình cử nhân kết hợp thạc sĩ. Sinh viên có thể đăng kí học thẳng lên bậc thạc sĩ và tích lũy các tín chỉ của bậc thạc sĩ ngay từ năm cuối cùng của chương trình đại học. Vì vậy sinh viên chỉ phải học thêm một học kì và một học kì thực tập sau khi tốt nghiệp đại học là có thể có bằng thạc sĩ. Ngoài ra, các chương trình này được thiết kế với thời lượng thực hành, thực tập thực tế lớn để đảm bảo sinh viên tiếp cận môi trường thực tế từ sớm và có thời gian rèn luyện thành thạo các kĩ năng nghề nghiệp. Hiện nay Trường Quốc tế có quan hệ hợp tác và nhận được sự hỗ trợ đào tạo của nhiều tập đoàn và công ty lớn như Viettel, FPT, CMC, SMC, FoxConn,..

- Sinh viên các ngành Tự động hóa và Tin học, Ngôn ngữ Anh, Công nghệ thông tin ứng dụng, Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics, Công nghệ tài chính và Kinh doanh số sẽ được tổ chức đào tạo một phần thời gian (dự kiến 2 năm đầu) ở Khu đô thị đại học của ĐHQGHN tại Hòa Lạc.

### *15.3.2. Một số lợi thế của sinh viên Trường Quốc tế sau khi tốt nghiệp*

- Được trang bị tri thức, tự tin, chuyên nghiệp, ngoại ngữ thành thạo và khả năng thích nghi để làm việc hiệu quả trong môi trường làm việc hội nhập và nhiều thách thức;

- Có cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp, đặc biệt có ưu thế làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế;
- Có văn bằng tốt nghiệp có giá trị toàn cầu để tiếp tục học tập ở bậc đào tạo cao hơn ở trong nước hoặc tại nước ngoài.

Ngày.....tháng.....năm 2023

**Cán bộ kê khai**

***Thái Thị Minh***

*ĐT:0986442868*

*Email: [minhtt@vnuis.edu.vn](mailto:minhtt@vnuis.edu.vn)*

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Anh Hào**

**Phó Chủ tịch HĐTS đại học năm 2023**

**PHỤ LỤC**

**PHỤ LỤC 1: CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

**1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2022**

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
<b>A</b>	<b>SAU ĐẠI HỌC</b>		
1	<b>Tiến sĩ</b>		
1.1	<b>Lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin</b>		
1.1.1	Ngành Tin học và Kỹ thuật máy tính	9480106	9
1.2	<b>Lĩnh vực liên ngành</b>		
1.2.1	Ngành Kinh tế và Quản lý	9310116.01QTD (ban ngày tháng 2/2023)	Đang tuyển sinh đợt I/2023
2	<b>Thạc sĩ</b>		
2.1	<b>Lĩnh vực Liên ngành</b>		
2.1.1	Ngành Quản trị tài chính	8340202.01QTD	47
2.2	<b>Lĩnh vực Kinh doanh</b>		
2.2.1	Ngành Kinh doanh quốc tế	8340120	26
2.3	<b>Lĩnh vực Máy tính</b>		
2.3.1	Ngành Tin học và Kỹ thuật máy tính	8480106	6
2.4	<b>Lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm</b>		
2.4.1	Ngành Ngân hàng, Tài chính, Bảo hiểm quốc tế	8340201	17
2.5	<b>Lĩnh vực</b>		
2.5.1	Ngành Nghiên cứu và Tác nghiệp Marketing	83490	25
2.6	<b>Lĩnh vực Kinh doanh</b>		
2.6.1	Ngành Quản trị kinh doanh	8340101	29
<b>B</b>	<b>ĐẠI HỌC</b>		
3	<b>Chương trình chính quy do ĐHQGHN cấp bằng</b>		
3.1	<b>Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý</b>		
3.1.1	Kinh doanh quốc tế		1143
3.1.2	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán		763
3.1.3	Hệ thống thông tin quản lý		440
3.1.4	Phân tích dữ liệu kinh doanh		369



STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
3.2	<b>Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin</b>		
3.2.1	Công nghệ thông tin ứng dụng		81
3.2.2	Công nghệ tài chính và kinh doanh số		111
3.3	<b>Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật</b>		
3.3.1	Tự động hóa và Tin học		167
3.4	<b>Lĩnh vực Kỹ thuật</b>		
3.4.1	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics		49
3.5	<b>Lĩnh vực Nhân văn</b>		
3.5.1	Ngôn ngữ Anh		165
4	<b>Chương trình chính quy, liên kết đào tạo với nước ngoài do ĐHQGHN cấp bằng hoặc cùng cấp bằng</b>		
4.1	<b>Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý</b>		
4.1.1	Marketing		195
4.1.2	Quản lý		96
4.2	<b>Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin</b>		
4.2.1	Tin học và Kỹ thuật máy tính		354

## 2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

### 2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

#### - Tổng diện tích đất:

+ Trường Quốc tế được ĐHQGHN giao quản lý khai thác sử dụng **600 m<sup>2</sup>** tại Toà nhà G7, G8 tại địa chỉ 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy làm phòng học, phòng làm việc và được sử dụng các mặt bằng chung của ĐHQGHN tại đây như: Sân vận động, Nhà thi đấu...;

+ Trường Quốc tế đang thuê dài hạn 01 toà nhà 7 tầng (Nhà C) và một số phòng học tại Nhà E trong Làng Sinh viên HACINCO tại địa chỉ số 79, Ngụy Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội với tổng diện tích sàn xây dựng **hơn 3.500 m<sup>2</sup>**, cùng với đó được sử dụng khuôn viên chung như sân chơi, bãi đỗ xe và các tiện ích khác của Làng Sinh viên HACINCO.

+ Trường Quốc tế đang thuê dài hạn cơ sở tại Trịnh Văn Bô với diện tích sàn **4000 m<sup>2</sup>** với đầy đủ cơ sở vật chất gồm phòng học, phòng thực hành máy tính, xưởng thực hành...

+ Trường Quốc tế cũng được ĐHQGHN cho phép sử dụng cơ sở là tòa HT1 tại Hòa Lạc với tổng diện tích sàn xây dựng là hơn 14.000 m<sup>2</sup> bao gồm các giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng làm việc, phòng hội thảo, thư viện, phòng tự học,...

+ Đất được giao theo quy hoạch tổng thể xây dựng ĐHQGHN tại Hoà Lạc: **9,22 ha**

#### - Số chỗ ở ký túc xá sinh viên tại:

- + Làng sinh viên HACINCO, Nhân chính, Thanh Xuân: **200 chỗ**
- + KTX ĐHQGHN tại Mỹ Đình: **100 chỗ**
- + KTX ĐHQGHN tại Hòa Lạc: **300 chỗ**

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo tính trên một sinh viên chính quy:

Stt	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu		
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ		
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	100
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	18	1550
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	21	1050
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2	100
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	10	517
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	250
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	3	150
4	Cơ sở vật chất dùng chung trong ĐHQGHN		
4.1	Hội trường Nguyễn Văn Đạo, Số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội		600
4.2	Trung tâm giáo dục Quốc phòng - An ninh, Khu đô thị ĐHQGHN tại Hòa Lạc		20.000
4.3	Khu liên hợp thể thao, Số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội		7.000
4.4	Trung tâm Thông tin - Thư viện ĐHQGHN, Nhà C1T, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội		2.000
5	Cơ sở vật chất tại Hòa Lạc		
5.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ		
5.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	3	525
5.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	18	1830
5.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	25	1875
5.5	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	33	1010

Stt	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
5.6	Thư viện, trung tâm học liệu	1	300
5.7	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	16	1050
	<b>Tổng</b>		<b>39.907</b>

## 2.2. Các thông tin khác

Thông kê về học liệu trong thư viện Trường Quốc tế:

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng (đầu sách)
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	
3.1	Cử nhân Kinh doanh quốc tế	349
3.2	Cử nhân Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	252
3.3	Cử nhân Hệ thống thông tin quản lý	218
3.4	Cử nhân Phân tích dữ liệu kinh doanh	112
3.5	Marketing (chương trình đào tạo cấp 2 bằng ĐH của ĐHQGHN và trường ĐH HELP - Malaysia)	51
3.6	Quản lý (chương trình đào tạo cấp 2 bằng ĐH của ĐHQGHN và trường ĐH Keuka – Hoa Kỳ)	151
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	
5.1	Cử nhân Tin học và Kỹ thuật máy tính	150
5.2	Kỹ sư Tự động hóa và Tin học	91
5.3	Công nghệ thông tin ứng dụng	81
5.4	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	83
5.5	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics	97
6	Khối ngành VII	
6.1	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	115

### 3. Danh sách giảng viên

#### 3.1 Danh sách giảng viên toàn thời gian

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
1	Chu Huy Anh	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Thuế	Kinh doanh quốc tế
2	Đặng Thị Quỳnh Trang	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Kinh doanh quốc tế
3	Dương Thị Thu Huyền	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Kinh doanh quốc tế
4	Lê Hương Linh	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kinh tế và quản lí	Kinh doanh quốc tế
5	Mai Anh	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Khoa học quản lí	Kinh doanh quốc tế
6	Ngô Dung Nga	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Kinh tế Quốc tế	Kinh doanh quốc tế
7	Nguyễn Phương Mai	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
8	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kinh doanh điện tử và dịch vụ	Kinh doanh quốc tế
9	Nguyễn Thị Kim Oanh	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kế toán	Kinh doanh quốc tế
10	Nguyễn Thị Thu Huyền	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Kinh doanh quốc tế

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
11	Nguyễn Trí Trung	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Kinh doanh quốc tế
12	Phạm Hương Trang	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản lý toàn cầu	Kinh doanh quốc tế
13	Trần Anh Hào	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Đại chất học - Khoáng vật học	Kinh doanh quốc tế
14	Trần Công Thành	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
15	Trần Thị Lan Hương	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Kinh doanh quốc tế
16	Vũ Xuân Đoàn	Trường Quốc tế-ĐHQGHN	Phó giáo sư		Ngôn ngữ Pháp	Kinh doanh quốc tế
17	Nguyễn Việt Cường	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	Kinh doanh quốc tế
18	Lê Việt Hoàng	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Giáo dục quốc tế	Kinh doanh quốc tế
19	Nguyễn Doãn Đông	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Tin học	Kinh doanh quốc tế
20	Nguyễn Thị Kim Duyên	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
21	Lưu Thị Minh Ngọc	Trường Quốc tế-ĐHQGHN	Phó giáo sư		Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
22	Lê Văn Đạo	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Chính sách công	Kinh doanh quốc tế
23	Nguyễn Thùy Trang	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Chính sách công	Kinh doanh quốc tế
24	Nguyễn Anh Tuấn	Trường Quốc tế-ĐHQGHN	Phó giáo sư		Kinh tế đối ngoại	Kinh doanh quốc tế
25	Tạ Huy Hùng	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
26	Bùi Hoài Hương	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
27	Chu Văn Hùng	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
28	Đỗ Phương Huyền	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Tài chính Ngân hàng	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
29	Lê Thị Mai	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kế toán	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
30	Nguyễn Đức Khương	Trường Quốc tế-ĐHQGHN	Giáo sư		Tài chính	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
31	Nguyễn Phú Hưng	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế và tài chính	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
32	Nguyễn Văn Định	Trường Quốc tế-ĐHQGHN	Phó giáo sư		Kinh tế	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
33	Trần Thị Thủy Anh	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Kế toán chuyên nghiệp	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
34	Nguyễn Khánh Linh	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Kinh tế -tài chính	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
35	Lê Thị Thu Hường	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Tài chính	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
36	Phan Bảo Trung	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Kế Toán	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
37	Nguyễn Thị Phương	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kế Toán	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
38	Phạm Xuân Hoan	Trường Quốc tế-ĐHQGHN	Phó giáo sư		Kinh tế	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
39	Nguyễn Hoàng Lan	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Kế toán và Tài chính	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
40	Dương Mỹ Hạnh	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Tài chính	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
41	Bùi Mỹ Trinh	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản lí	Hệ thống thông tin quản lý
42	Nguyễn Thanh Tùng	Trường Quốc tế-ĐHQGHN	Phó giáo sư		Mạng việ n thông	Hệ thống thông tin quản lý
43	Nguyễn Thế Cường	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kinh doanh và thương mại	Hệ thống thông tin quản lý

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
44	Bùi Duy Hiếu	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin quản lý
45	Lê Hoàng Sơn	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin quản lý
46	Đỗ Thanh Vân	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Sư phạm Anh	Tin học và Kỹ thuật máy tính
47	Lê Đức Thịnh	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Toán học	Tin học và Kỹ thuật máy tính
48	Lê Trung Thành	Trường Quốc tế-ĐHQGHN	Phó giáo sư		Điện tử viễn thông	Tin học và Kỹ thuật máy tính
49	Nguyễn Quang Thuận	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Tin học	Tin học và Kỹ thuật máy tính
50	Phạm Thị Việt Hương	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện	Tin học và Kỹ thuật máy tính
51	Hà Mạnh Hùng	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Điện điện tử	Tin học và Kỹ thuật máy tính
52	Nguyễn Đức Thuận	Trường Quốc tế-ĐHQGHN	Giáo sư		Kỹ thuật điện tử	Tin học và Kỹ thuật máy tính
53	Natalia Kraevskaia	Trường Quốc tế-ĐHQGHN	Phó giáo sư		Ngôn ngữ Nga	Tin học và Kỹ thuật máy tính
54	Hồ Tú Bảo	Trường Quốc tế-ĐHQGHN	Giáo sư		Khoa học máy tính	Phân tích dữ liệu kinh doanh



STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
55	Nguyễn Hải Thanh	Trường Quốc tế-ĐHQGHN	Phó giáo sư		Toán học	Phân tích dữ liệu kinh doanh
56	Trần Quang Tuyền	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kinh tế	Phân tích dữ liệu kinh doanh
57	Nguyễn Tuấn Minh	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Đầu tư tài chính	Phân tích dữ liệu kinh doanh
58	Bùi Vũ Lương	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	Phân tích dữ liệu kinh doanh
59	Trần Thị Thanh Tú	Trường Quốc tế-ĐHQGHN	Phó giáo sư		Tài chính ngân hàng	Phân tích dữ liệu kinh doanh
60	Đình Văn Dũng	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Phân tích dữ liệu kinh doanh
61	Phạm Thanh Huyền	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	MBA	Phân tích dữ liệu kinh doanh
62	Lại Thanh Vân	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Marketing (song bằng)
63	Nguyễn Thị Minh Huyền	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Phát triển Quốc tế và Giáo dục	Marketing (song bằng)
64	Nguyễn Việt Thành	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kinh tế	Marketing (song bằng)
65	Michael Omar	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin và truyền thông	Marketing (song bằng)

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
66	Peter James Coary	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Nghiên cứu kinh doanh	Marketing (song bằng)
67	Aleksandra Skibinska	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh và marketing	Marketing (song bằng)
68	Dzani Trusau	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Sư phạm tiếng anh	Marketing (song bằng)
69	Mariia Elvizo	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Ngôn ngữ	Marketing (song bằng)
70	Nguyễn Thị Hương Ly	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Marketing	Marketing (song bằng)
71	Hồ Nguyên Như Ý	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản lý công nghiệp	Quản lý (song bằng)
72	Nguyễn Trung Hiền	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản lý và phát triển địa phương	Quản lý (song bằng)
73	Naomi Laspona Echavez	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Giáo dục	Quản lý (song bằng)
74	Đào Công Tuấn	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Khoa học quản lý	Quản lý (song bằng)
75	Nguyễn Văn Tính	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa và Tin học
76	Phạm Hải Yến	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Tự động hóa	Tự động hóa và Tin học

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
77	Lê Xuân Hải	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa và Tin học
78	Nguyễn Ngọc Linh	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử và tự động hóa	Tự động hóa và Tin học
79	Nguyễn Đăng Khoa	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kỹ thuật hàng không vũ trụ	Tự động hóa và Tin học
80	Trần Chi	Trường Quốc tế-ĐHQGHN	Giáo sư		Xây dựng	Tự động hóa và Tin học
81	Trần Thế Vĩnh	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quang học	Tự động hóa và Tin học
82	Đặng Hồng Ngân	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
83	Đỗ Thị Hồng Liên	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
84	Dương Thị Thiên Hà	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh
85	Lê Hoài Thu	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
86	Nguyễn Thị Lan Anh	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Sư phạm Anh	Ngôn ngữ Anh
87	Nguyễn Việt Hùng	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
88	Phạm Thị Tuyết Mai	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
89	Hoàng Tuyết Minh	Trường Quốc tế-ĐHQGHN	Phó giáo sư		Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh
90	Vũ Thị Thanh	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh
91	Nguyễn Thị Quế Linh	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Ngôn ngữ anh	Ngôn ngữ Anh
92	Lê Duy Tiến	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	Công nghệ thông tin ứng dụng
93	Trần Thị Oanh	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin ứng dụng
94	Chu Đình Tới	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Y học	Công nghệ thông tin ứng dụng
95	Thân Văn Thái	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Sinh y	Công nghệ thông tin ứng dụng
96	Nguyễn Văn Tánh	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kỹ thuật máy tính	Công nghệ thông tin ứng dụng
97	Phạm Huy Thông	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin ứng dụng
98	Nguyễn Thị Tố Hoa	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
99	Trương Công Đoàn	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số
100	Trần Đức Quỳnh	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số
101	Kim Đình Thái	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện và Truyền thông	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số
102	Nghiêm Xuân Hòa	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kinh tế học	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số
103	Lê Quang Minh	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số
104	Bùi Thanh Tùng	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Tự động hóa	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics
105	Phạm Ngọc Thành	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kỹ thuật	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics
106	Đặng Văn Sơn	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Khoa học vật liệu	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics
107	Nguyễn Quốc Hưng	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Vật lý chất rắn	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics
<b>Tổng số giảng viên toàn trường</b>						<b>107</b>

**3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.**

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học
1	Đỗ Giang Nam	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN- ĐHQG Hà Nội		Tiến sĩ	Luật học	Kinh doanh quốc tế
2	Đoàn Vân Hà	Học viện Ngân hàng		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	Kinh doanh quốc tế
3	Ngô Thị Huyền Minh	Trung tâm Nâng Cao Năng Lực Cho Người Khuyết Tật Nghị Lực Sống		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
4	Nguyễn Đức Nam	Cty CP Tham vấn, Nghiên cứu và Tâm lý học cuộc sống		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
5	Nguyễn Lê Thu	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Luật	Kinh doanh quốc tế
6	Nguyễn Thị Liễu Trang	Đại học FPT Khoa Quản trị kinh doanh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
7	Nguyễn Thị Diêu Thu	ĐH Công nghệ Giao thông vận tải		Tiến sĩ	Kinh tế	Kinh doanh quốc tế
8	Nguyễn Thị Hải An	Phòng ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		Thạc sĩ	Kinh tế và tài chính quốc tế	Kinh doanh quốc tế
9	Nguyễn Thị Hoa Hồng	ĐH Ngoại thương		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
10	Nguyễn Thị Hồng Vân (FTU)	Bộ môn Thương mại điện tử, Khoa Quản trị kinh doanh, Đại học Ngoại thương		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
11	Nguyễn Thị Phương Mai	Khoa Kế toán - kiểm toán ĐH ngoại thương		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
12	Nguyễn Thu Hoài	Đại học Thăng Long		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
13	Phạm Thị Mỹ Dung	Đại học Ngoại Thương Hà Nội		Tiến sĩ	Kinh tế	Kinh doanh quốc tế

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học
14	Bùi Thị Hà Linh	Học viện Tài chính		Tiến sĩ	Tài chính ngân hàng	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
15	Cao Xuân Phong	Viện Khoa học Pháp lý-Bộ tư pháp		Thạc sĩ	Luật học	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
16	Đào Trọng Khôi	Bộ môn Luật Dân sự, Trường Đại học Luật, ĐHQGHN Đại học Quốc gia Hà Nội		Thạc sĩ	Luật thương mại và Đầu tư quốc tế	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
17	Diêm Thị Thanh Hải	Học viện tài chính		Tiến sĩ	Quản lý và kế toán	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
18	Lê Quang Dũng	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân		Tiến sĩ	Kế toán	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
19	Lê Quý Dương	ĐH Kinh tế Quốc Dân		Tiến sĩ	Tài chính	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
20	Lê Thị Vân Dung			Thạc sĩ	Kế toán, kiểm toán	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
21	Lê Văn Liên	Học viện tài chính		Tiến sĩ	Kế toán	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
22	Nguyễn Hữu Tân	Khoa Tài chính doanh nghiệp, Học viện Tài chính		Tiến sĩ	Kinh tế	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
23	Nguyễn Thị Kim Anh	Đại học Kinh tế - ĐHQG	Phó giáo sư		Kinh tế	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
24	Nguyễn Thùy Trang	Học viện Tài chính		Thạc sĩ	Tài chính	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
25	Nguyễn Trà My	Rmit		Thạc sĩ	Kế toán	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học
26	Phạm Thị Thanh Hòa	Khoa Tài chính doanh nghiệp, Học viện Tài chính	Phó giáo sư		Kinh tế	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
27	Đỗ Trung Tuấn	Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQGHN	Phó giáo sư		Tin học	Hệ thống thông tin quản lý
28	Nguyễn Đình Văn	Viện MICA, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin quản lý
29	Lê Đình Anh	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Hệ thống cơ khí	Hệ thống thông tin quản lý
30	Nguyễn Đình Trần Long	Khoa CNTT - Trường Đại học Hà Nội		Thạc sĩ	Thiết kế hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin quản lý
31	Nguyễn Thanh Sơn	Học viện Tài chính		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin quản lý
32	Đình Hữu Nghĩa	Ban Đào tạo, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin quản lý
33	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trường ĐH Thương Mại	Phó giáo sư		Khoa học máy tính	Tin học và Kỹ thuật máy tính
34	Trần Hoàng Việt	Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội		Tiến sĩ	Kỹ thuật phần mềm	Tin học và Kỹ thuật máy tính
35	Phan Xuân Thành	Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội		Tiến sĩ	Toán ứng dụng-giải tích số	Tin học và Kỹ thuật máy tính
36	Phạm Đình Tân	Bộ môn Mạng máy tính, Khoa Công nghệ thông tin, Trường ĐH Mỏ - Địa chất		Tiến sĩ	Kỹ thuật máy tính	Tin học và Kỹ thuật máy tính
37	Mai Nguyễn Tuyết Hoa	Trường Quốc tế Đại học Quốc gia Hà Nội		Tiến sĩ	Tiếng Nga	Tin học và Kỹ thuật máy tính
38	Trần Anh Vũ	Trường Điện- Điện tử, Đại học Bách Khoa Hà Nội		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện	Tin học và Kỹ thuật máy tính
39	Phạm Việt Hùng	Viện Toán học, Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam		Tiến sĩ	Xác suất thống kê	Tin học và Kỹ thuật máy tính



STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học
40	Phạm Trung Tiến	Khoa Quản trị kinh doanh, Đại học Thương Mại		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Phân tích dữ liệu kinh doanh
41	Cù Nguyên Giáp	Trường Đại học Thương Mại		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Phân tích dữ liệu kinh doanh
42	Nguyễn Văn Hạnh	Viện Toán ứng dụng và Tin học, Đại học Bách khoa Hà Nội		Tiến sĩ	Xác suất thống kê	Phân tích dữ liệu kinh doanh
43	Vũ Văn Thiệu	Viện CNTT & TT, ĐH Bách Khoa Hà Nội		Tiến sĩ	Khoa học máy tính	Phân tích dữ liệu kinh doanh
44	Nguyễn Hải Vinh	Khoa Toán-Cơ-Tin học, trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội		Tiến sĩ	Mô hình hóa toán học	Phân tích dữ liệu kinh doanh
45	Tạ Duy Phương	Cộng tác viên, Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Phó giáo sư		Toán học	Phân tích dữ liệu kinh doanh
46	Đình Công Hoàng	Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam (VASS)		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	Phân tích dữ liệu kinh doanh
47	Phí Thị Diễm Hồng	Học Viện Nông nghiệp Việt Nam		Tiến sĩ	Thương mại	Phân tích dữ liệu kinh doanh
48	Nguyễn Quang Lộc	Khoa Toán-Tin, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội		Tiến sĩ	Toán lý thuyết	Phân tích dữ liệu kinh doanh
49	Hà Công Anh Bảo	Đại học ngoại thương		Tiến sĩ	Kinh doanh	Marketing (song bang)
50	Hoàng Thị Thu Hà	Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn		Thạc sĩ	Báo chí	Marketing (song bang)
51	Nguyễn Đặng Huy Đăng	Trường Quốc tế-ĐHQGHN		Thạc sĩ	Marketing	Marketing (song bang)
52	Nguyễn Thị Như Trang	Khoa Xã hội học, ĐH KHXH&NV	Phó giáo sư		Tâm lý học	Marketing (song bang)

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học
53	Vũ Thu Trang	Khoa Tâm lý - Giáo dục, Đại học Sư phạm Hà Nội		Tiến sĩ	Tâm lý học	Marketing (song bang)
54	Trần Thu Phương	Khoa Du lịch, Trường Đại học Mở Hà Nội		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Marketing (song bang)
55	Đình Hồng Hải	Khoa Nhân học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội	Phó giáo sư		Nhân học	Quản lý (song bằng)
56	Ngô Thị Ngọc Anh	Viện Kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh		Tiến sĩ	Quản lý	Quản lý (song bằng)
57	Nguyễn Anh Thư	Khoa Khoa học Quản lý, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.		Tiến sĩ	Giáo dục	Quản lý (song bằng)
58	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Trường ĐH Ngoại thương Hà Nội		Tiến sĩ	Quản lý	Quản lý (song bằng)
59	Nguyễn Thị Vân Anh	Học viên Bưu chính viễn thông		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	Quản lý (song bằng)
60	Nguyễn Hoàng Dũng	Đại học Bách Khoa Hà Nội		Tiến sĩ	Khoa học và công nghệ	Quản lý (song bằng)
61	Đặng Thị Phương Anh	Đh KHXH&NV, ĐH Quốc gia HN		Tiến sĩ	Quản lý văn hóa	Quản lý (song bằng)
62	Bùi Nguyên Quốc Trình	Đại học Việt Nhật, ĐHQGHN	Phó giáo sư		Vật lý	Tự động hóa và Tin học
63	Nguyễn Thị Vân Anh (HNUE)	Đại học Sư phạm Hà Nội		Tiến sĩ	Toán học	Tự động hóa và Tin học
64	Đỗ Văn Cường	Viện Toán Ứng dụng và Tin học, Đại học Bách Khoa Hà Nội		Tiến sĩ	Thống kê toán học	Tự động hóa và Tin học
65	Bùi Duy Hiếu	Viện Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia Hà Nội		Tiến sĩ	Công nghệ nano và điện tử nano	Tự động hóa và Tin học
66	Đào Như Mai	Hưu trí	Phó giáo sư		Cơ học	Tự động hóa và Tin học
67	Nguyễn Hoàng Vũ	Tạp chí Pi, Hội Toán học Việt Nam		Thạc sĩ	Toán ứng dụng và khoa học tính toán	Tự động hóa và Tin học

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học
68	Cần Văn Hảo	Viện Toán học		Tiến sĩ	Xác suất thống kê	Tự động hóa và Tin học
69	Nguyễn Thị Huệ	Đại học Văn hóa Hà Nội		Tiến sĩ	Triết học	Ngôn ngữ Anh
70	Ngô Thị Minh Thu	ĐHNN-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Tiếng Nga	Ngôn ngữ Anh
71	Vương Thị Hải Yến	Trường ĐH Thủ Đô Hà Nội		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học	Ngôn ngữ Anh
72	Tống Hưng Tâm	Học viên chính sách và phát triển		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh
73	Nguyễn Thị Nhân Hòa	Cựu giáo chức Trường Quốc tế - ĐHQGHN		Tiến sĩ	Khảo thí	Ngôn ngữ Anh
74	Nguyễn Văn Phương	Đại học Kinh tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Khoa học nông nghiệp	Công nghệ thông tin ứng dụng
75	Nguyễn Trung Dũng	ĐH Bách Khoa Hà Nội		Tiến sĩ	Địa vật lí	Công nghệ thông tin ứng dụng
76	Hà Phi	Khoa Toán-Cơ-Tin học, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Toán học ứng dụng	Công nghệ thông tin ứng dụng
77	Nguyễn Hà Nam	Viện nghiên cứu cao cấp về Toán	Phó giáo sư		Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin ứng dụng
78	Hoàng Thế Tuấn	Viện Toán học	Phó giáo sư		Toán học	Công nghệ thông tin ứng dụng
79	Lê Văn Sơn	Học Viện Phụ Nữ Việt Nam 68 Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Hà Nội		Tiến sĩ	Kinh tế	Công nghệ tài chính và Kinh doanh kỹ thuật số
80	Lý Đại Hùng	Viện Kinh tế Việt Nam, số 1A Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội		Tiến sĩ	Kinh tế	Công nghệ tài chính và Kinh doanh kỹ thuật số
81	Nguyễn Thị Thanh Hoài	Học viện tài chính	Phó giáo sư		Tài chính và tín dụng	Công nghệ tài chính và Kinh doanh kỹ thuật số
82	Phan Quốc Nguyên	ĐHQGHN		Tiến sĩ	Luật	Công nghệ tài chính và Kinh doanh kỹ thuật số

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học
83	Trần Thị Mai Thành	Viện kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	Công nghệ tài chính và Kinh doanh kỹ thuật số
84	Đoàn Duy Trung	Viện Toán ứng dụng & Tin học, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội		Tiến sĩ	Toán học	Công nghệ tài chính và Kinh doanh kỹ thuật số
85	Nguyễn Trọng Hiếu	Khoa Toán - Cơ - Tin học, ĐHKHTN, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Toán ứng dụng	Công nghệ tài chính và Kinh doanh kỹ thuật số
86	Nguyễn Thị Thùy Dung	Học viện Tài chính		Tiến sĩ	Tài chính	Công nghệ tài chính và Kinh doanh kỹ thuật số
87	Lâm Sinh Công	ĐH Công nghệ - ĐHQG HN		Tiến sĩ	Kỹ thuật	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics
88	Lê Anh Ngọc	ĐH Điện lực		Tiến sĩ	Điện tử	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics
89	Nguyễn Hoàng Quân	Viện Công nghệ Hàng không vũ trụ, Trường ĐHCN, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Cơ khí và năng lượng	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics
90	Nguyễn Tiến Hiền	Học viện Nông nghiệp Việt Nam		Tiến sĩ	Vật lí	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics
91	Nguyễn Đình Đức	Đại học Quốc gia Hà Nội	Giáo sư		Vật lí	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics
92	Trịnh Thị Loan	Khoa Vật lí, trường Đại học KHTN-ĐHQGHN	Phó giáo sư		Vật lí	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics
93	Nguyễn Nam Phương	Khoa Tâm lý giáo dục, Đại học Sư phạm Hà Nội.		Tiến sĩ	Khoa học giáo dục	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics
94	Nguyễn Thị Hồng	ĐH Thủ đô HN		Tiến sĩ	Toán học	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics
<b>Tổng số giảng viên toàn trường</b>						<b>94</b>

**PHỤ LỤC 2**  
**MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN DÀNH CHO THÍ SINH SỬ DỤNG BẰNG,**  
**CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ, KẾT QUẢ KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC; THÍ SINH**  
**ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẲNG VÀ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN**

<b>STT</b>	<b>Tên, nội dung biểu mẫu</b>	<b>Ký hiệu mẫu</b>
1	Phiếu đăng ký xét tuyển đại học chính quy năm 2023 (dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS/TOEFL kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)	BM-01/TQT-XTCC
2	Phiếu đăng ký xét tuyển đại học chính quy năm 2023 (dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS/TOEFL kết hợp kết quả học tập bậc THPT để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)	BM-02/TQT-XTCC
3	Phiếu đăng ký xét tuyển đại học chính quy năm 2023 (dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS/TOEFL kết hợp kết quả thi Đánh giá năng lực của ĐHQGHN)	BM-03/TQT-XTCC
4	Phiếu đăng ký xét tuyển đại học chính quy năm 2023 (dùng cho thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi SAT để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)	BM-04/ TQT-XTCC
5	Phiếu đăng ký xét tuyển đại học chính quy năm 2023 (dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ quốc tế A-Level để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)	BM-05/ TQT-XTCC
6	Phiếu đăng ký xét tuyển đại học chính quy năm 2023 (dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ quốc tế ACT để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)	BM-06/TQT-XTCC
7	Phiếu đăng ký xét tuyển đại học chính quy năm 2023 (dùng cho thí sinh sử dụng bằng Tú tài quốc tế (IB) để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)	BM-07/TQT-XTCC
8	Phiếu đăng ký xét tuyển đại học chính quy năm 2023 (dùng cho thí sinh sử dụng kết quả thi Đánh giá năng lực của ĐHQGHN để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)	BM-08/TQT-XTT
9	Phiếu đăng ký xét tuyển đại học chính quy năm 2023 (dùng cho thí sinh sử dụng kết quả thi Đánh giá năng lực của ĐHQGHCM để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)	BM-09/TQT-XTT

<b>STT</b>	<b>Tên, nội dung biểu mẫu</b>	<b>Ký hiệu mẫu</b>
10	Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét theo Quy chế đặc thù của ĐHQGHN	BM-10/TQT-XTT
11	Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét theo Quy chế của Bộ GD&ĐT	BM-11/TQT-XTT

Tuyensinh247.com

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi) .....

Ngày nhận: ...../...../.....

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023**

(dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ **tiếng Anh quốc tế IELTS/TOEFL** kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

**A. THÔNG TIN CHUNG**

1. Họ và tên thí sinh (viết chữ in hoa): ..... 2. Giới tính: .....
3. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../..... 4. Nơi sinh: (Tỉnh/TP).....
5. Dân tộc: ..... 6. Email: .....
7. Thông tin CMND/thẻ CCCD:  
Số CMND/CCCD: .....
- Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....
8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương (ghi rõ tên trường, tỉnh/TP):  
Năm lớp 10: ..... Năm lớp 11: .....
- Năm lớp 12: ..... Năm tốt nghiệp THPT:.....
9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:  
Tỉnh/Thành: ..... Quận/Huyện/Thị xã: ..... Xã/ Phường/Thị trấn: .....

**B. KẾT QUẢ KỲ THI THPT NĂM 2023 VÀ KẾT QUẢ CHỨNG CHỈ IELTS/TOEFL**

10. Môn 1 (Toán/Văn): ..... 11. Môn 2 (.....): .....

**Ghi chú:** Thí sinh bổ sung thông tin khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023

12. Kết quả  IELTS/TOEFL iBT..... 13. Ngày thi IELTS/TOEFL:...../...../.....

**C. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN**

14. Ngành đăng ký xét tuyển tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN

*Nguyện vọng 1:* Ngành học 1: ..... Mã xét tuyển:.....

*Nguyện vọng 2:* Ngành học 2: ..... Mã xét tuyển:.....

**D. CÁC TÀI LIỆU XÉT TUYỂN NỘP KÈM**

- Bản sao hợp lệ Chứng chỉ IELTS/TOEFL
- 02 ảnh chân dung cỡ 4x6cm, mặt sau ghi rõ họ tên
- Bản sao học bạ THPT của thí sinh
- Bản sao CMND/CCCD
- Bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc bản sao bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2023 (*nộp trực tiếp hoặc chuyển phát bảo đảm tới HDTS để XÁC NHẬN NHẬP HỌC theo hướng dẫn của HDTS*)
- } (*nộp trực tiếp hoặc chuyển phát bảo đảm tới HDTS*)

**E. THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA THÍ SINH VÀ NGƯỜI THÂN**

15. Điện thoại của thí sinh: .....
16. Họ và tên người thân:.....17. Quan hệ với thí sinh : .....
18. Điện thoại của người thân:.....
19. Địa chỉ:.....

*Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy của ĐHQGHN năm 2023. Nếu có sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.*

Ngày      tháng      năm 2023

**Thí sinh**

*(ký, ghi rõ họ và tên)*

Tuyensinh247.com



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi) .....

Ngày nhận: ...../...../.....

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023**

(dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS/TOEFL kết hợp kết quả học tập bậc THPT để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

**A. THÔNG TIN CHUNG**

1. Họ và tên thí sinh (viết chữ in hoa): ..... 2. Giới tính: .....
3. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../..... 4. Nơi sinh: (Tỉnh/TP).....
5. Dân tộc: ..... 6. Email: .....
7. Thông tin CMND/thẻ CCCD:  
Số CMND/CCCD: .....
- Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....
8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương (ghi rõ tên trường, tỉnh/TP):  
Năm lớp 10: ..... Năm lớp 11: .....
- Năm lớp 12: ..... Năm tốt nghiệp THPT:.....
9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:  
Tỉnh/Thành: ..... Quận/Huyện/Thị xã: ..... Xã/ Phường/Thị trấn: .....

**B. KẾT QUẢ HỌC TẬP BẬC THPT VÀ KẾT QUẢ CHỨNG CHỈ IELTS/TOEFL**

10. Điểm TBC 3 năm THPT môn 1 (Toán/Văn): ..... 11. Điểm TBC 3 năm THPT môn 2 (.....): .....
12. Kết quả  IELTS/TOEFL iBT..... 13. Ngày thi IELTS/TOEFL:...../...../.....

**C. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN**

14. Ngành đăng ký xét tuyển tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN

Nguyện vọng 1: Ngành học 1: ..... Mã xét tuyển:.....

Nguyện vọng 2: Ngành học 2: ..... Mã xét tuyển:.....

**D. CÁC TÀI LIỆU XÉT TUYỂN NỘP KÈM**

- Bản sao hợp lệ Chứng chỉ IELTS/TOEFL
- 02 ảnh chân dung cỡ 4x6cm, mặt sau ghi rõ họ tên
- Bản sao học bạ THPT của thí sinh
- Bản sao CMND/CCCD
- Bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc bản sao bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2023 (nộp trực tiếp hoặc chuyển phát bảo đảm tới HĐTS để XÁC NHẬN NHẬP HỌC theo hướng dẫn của HĐTS)
- (nộp trực tiếp hoặc chuyển phát bảo đảm tới HĐTS)

**E. THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA THÍ SINH VÀ NGƯỜI THÂN**

15. Điện thoại của thí sinh: .....
16. Họ và tên người thân:..... 17. Quan hệ với thí sinh : .....
18. Điện thoại của người thân:.....
19. Địa chỉ:.....

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại

học chính quy của ĐHQGHN năm 2023. Nếu có sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

Ngày      tháng      năm 2023

**Thí sinh**

(ký, ghi rõ họ và tên)

Tuyensinh247.com

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi) .....

Ngày nhận: ...../...../.....

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023**

(dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ **tiếng Anh quốc tế IELTS/TOEFL** kết hợp kết quả thi  
Đánh giá năng lực của ĐHQGHN để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

**A. THÔNG TIN CHUNG**

1. Họ và tên thí sinh (viết chữ in hoa): ..... 2. Giới tính: .....
3. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../..... 4. Nơi sinh: (Tỉnh/TP).....
5. Dân tộc: ..... 6. Email: .....
7. Thông tin CMND/thẻ CCCD:  
Số CMND/CCCD: .....
- Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....
8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương (ghi rõ tên trường, tỉnh/TP):  
Năm lớp 10: ..... Năm lớp 11: .....
- Năm lớp 12: ..... Năm tốt nghiệp THPT:.....
9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:  
Tỉnh/Thành: ..... Quận/Huyện/Thị xã: ..... Xã/ Phường/Thị trấn: .....

**B. KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC VÀ KẾT QUẢ CHỨNG CHỈ IELTS/TOEFL**

10. Kết quả thi Đánh giá năng lực của ĐHQGHN: ..... 11. Ngày thi: .....
12. Kết quả  IELTS/TOEFL iBT..... 13. Ngày thi IELTS/TOEFL:...../...../.....

**C. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN**

14. Ngành đăng ký xét tuyển tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN  
*Nguyện vọng 1:* Ngành học 1: ..... Mã xét tuyển:.....  
*Nguyện vọng 2:* Ngành học 2: ..... Mã xét tuyển:.....

**D. CÁC TÀI LIỆU XÉT TUYỂN NỘP KÈM**

- Bản sao hợp lệ Chứng chỉ IELTS/TOEFL  
 Bản sao hợp lệ kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN  
 02 ảnh chân dung cỡ 4x6cm, mặt sau ghi rõ họ tên  
 Bản sao học bạ THPT của thí sinh  
 Bản sao CMND/CCCD

(nộp trực tiếp hoặc chuyển phát  
bảo đảm tới HĐTS)

Bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc bản sao bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2023 (nộp trực tiếp hoặc chuyển phát bảo đảm tới HĐTS để **XÁC NHẬN NHẬP HỌC** theo hướng dẫn của HĐTS)

**E. THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA THÍ SINH VÀ NGƯỜI THÂN**

15. Điện thoại của thí sinh: .....
16. Họ và tên người thân: ..... 17. Quan hệ với thí sinh : .....
18. Điện thoại của người thân:.....
19. Địa chỉ:.....

*Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy của ĐHQGHN năm 2023. Nếu có sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.*

Ngày      tháng      năm 2023

**Thí sinh**

*(ký, ghi rõ họ và tên)*

Tuyensinh247.com

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi) .....

Ngày nhận: ...../...../.....

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023**

(Dùng cho thí sinh sử dụng **kết quả kỳ thi SAT** để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

**A. THÔNG TIN CHUNG**

1. Họ và tên thí sinh (viết chữ in hoa): ..... 2. Giới tính: .....  
 3. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../..... 4. Nơi sinh: (Tỉnh/TP).....  
 5. Dân tộc: ..... 6. Email: .....  
 7. Thông tin CMND/thẻ CCCD:  
 Số CMND/CCCD: .....  
 Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....  
 8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương (ghi rõ tên trường, tỉnh/TP):  
 Năm lớp 10: ..... Năm lớp 11: .....  
 Năm lớp 12: ..... Năm tốt nghiệp THPT:.....  
 9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:  
 Tỉnh/Thành: ..... Quận/Huyện/Thị xã: ..... Xã/ Phường/Thị trấn: .....

**B. KẾT QUẢ KỲ THI CHUẨN HÓA SAT (SCHOLASTIC ASSESSMENT TEST, HOA KỲ)**

10. Năm thi: .....  
 11. Điểm thi: .....

**C. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN**

12. Ngành đăng ký xét tuyển tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN  
*Nguyện vọng 1:* Ngành học 1: ..... Mã xét tuyển:.....  
*Nguyện vọng 2:* Ngành học 2: ..... Mã xét tuyển:.....

**D. CÁC TÀI LIỆU XÉT TUYỂN NỘP KÈM**

- Bản sao hợp lệ Chứng nhận Kết quả kỳ thi SAT  
 02 ảnh chân dung cỡ 4x6 cm, mặt sau ghi rõ họ tên  
 Bản sao học bạ THPT của thí sinh  
 Bản sao CMND/CCCD  
 Bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc bản sao bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2023 (*nộp trực tiếp hoặc chuyển phát bảo đảm tới HĐTS để XÁC NHẬN NHẬP HỌC theo hướng dẫn của HĐTS*)
- } (*nộp trực tiếp hoặc chuyển phát bảo đảm tới HĐTS*)

**E. THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA THÍ SINH VÀ NGƯỜI THÂN**

13. Điện thoại của thí sinh: .....  
 14. Họ và tên người thân:..... 15. Quan hệ với thí sinh : .....  
 16. Điện thoại của người thân:.....  
 17. Địa chỉ:.....

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ GD&ĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại

*học chính quy của ĐHQGHN năm 2023. Nếu có sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.*

Ngày      tháng      năm 2023

**Thí sinh**

*(ký, ghi rõ họ và tên)*

Tuyensinh247.com

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi) .....

Ngày nhận: ...../...../.....

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023**

(Dùng cho thí sinh sử dụng **chứng chỉ A-Level** để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

**A. THÔNG TIN CHUNG**

1. Họ và tên thí sinh (viết chữ in hoa): ..... 2. Giới tính: .....
3. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../..... 4. Nơi sinh: (Tỉnh/TP).....
5. Dân tộc: ..... 6. Email: .....
7. Thông tin CMND/thẻ CCCD:  
Số CMND/CCCD: .....
- Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....
8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương (ghi rõ tên trường, tỉnh/TP):  
Năm lớp 10: ..... Năm lớp 11: .....
- Năm lớp 12: ..... Năm tốt nghiệp THPT:.....
9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:  
Tỉnh/Thành: ..... Quận/Huyện/Thị xã: ..... Xã/ Phường/Thị trấn: .....

**B. KẾT QUẢ CHỨNG CHỈ A-LEVEL CỦA TRUNG TÂM KHẢO THÍ ĐẠI HỌC CAMBRIDGE**

10. Năm thi:..... 11. Tổ hợp các môn thi xét tuyển: (Kê khai điểm thi 3 môn tổ hợp theo khối ĐKXT)

Môn thi	Điểm thi	Tổng điểm
1) Toán		.....
2) Vật lý		
3) Hóa học		
4) Sinh học		
5) Ngữ văn		
6) Lịch sử		
7) ....		

**C. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN**

12. Ngành đăng ký xét tuyển tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN

Nguyện vọng 1: Ngành học 1: ..... Mã xét tuyển:.....

Nguyện vọng 2: Ngành học 2: ..... Mã xét tuyển:.....

**D. CÁC TÀI LIỆU XÉT TUYỂN NỘP KÈM**

- Bản sao hợp lệ Chứng nhận Kết quả A-Level
- 02 ảnh chân dung cỡ 4x6 cm, mặt sau ghi rõ họ tên
- Bản sao học bạ THPT của thí sinh
- Bản sao CMND/CCCD
- Bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc bản sao bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2023 (nộp trực tiếp hoặc chuyển phát bảo đảm tới HĐTS để XÁC NHẬN NHẬP HỌC theo hướng dẫn của HĐTS)

(nộp trực tiếp hoặc gửi bảo đảm tới HĐTS)

**E. THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA THÍ SINH VÀ NGƯỜI THÂN**

13. Điện thoại của thí sinh: .....

14. Họ và tên người thân:.....15. Quan hệ với thí sinh : .....

16. Điện thoại của người thân:.....

17.Địa chỉ:.....

*Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy của ĐHQGHN năm 2023. Nếu có sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.*

Ngày      tháng      năm 2023

**Thí sinh**

(ký, ghi rõ họ và tên)

Tuyensinh247.com



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi) .....

Ngày nhận: ...../...../.....

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023**

(Dùng cho thí sinh sử dụng **chứng chỉ quốc tế ACT** để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

**A. THÔNG TIN CHUNG**

1. Họ và tên thí sinh (viết chữ in hoa): ..... 2. Giới tính: ..... 3. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../..... 4. Nơi sinh: (Tỉnh/TP).....

5. Dân tộc: ..... 6. Email: .....

7. Thông tin CMND/thẻ CCCD:

Số CMND/CCCD: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương (ghi rõ tên trường, tỉnh/TP):

Năm lớp 10: ..... Năm lớp 11: .....

Năm lớp 12: ..... Năm tốt nghiệp THPT:.....

9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:

Tỉnh/Thành: ..... Quận/Huyện/Thị xã: ..... Xã/ Phường/Thị trấn: .....

**B. KẾT QUẢ KỶ THI CHUẨN HÓA ACT - AMERICAN COLLEGE TESTING, HOA KỶ**

10. Năm thi:..... 11. Điểm thi:.....

**C. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN**

12. Ngành đăng ký xét tuyển tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN

*Nguyện vọng 1:* Ngành học 1: ..... Mã xét tuyển:.....

*Nguyện vọng 2:* Ngành học 2: ..... Mã xét tuyển:.....

**D. CÁC TÀI LIỆU XÉT TUYỂN NỘP KÈM**

Bản sao hợp lệ Chứng nhận kết quả ACT

02 ảnh chân dung cỡ 4x6 cm, mặt sau ghi rõ họ tên

Bản sao học bạ THPT của thí sinh

Bản sao CMND/CCCD

(nộp trực tiếp hoặc chuyển phát bảo đảm tới HĐTS)

Bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc bản sao bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2023 (nộp trực tiếp hoặc chuyển phát bảo đảm tới HĐTS để **XÁC NHẬN NHẬP**

**HỌC** theo hướng dẫn của HĐTS)

**E. THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA THÍ SINH VÀ NGƯỜI THÂN**

13. Điện thoại của thí sinh: .....

14. Họ và tên người thân:..... 15. Quan hệ với thí sinh : .....

16. Điện thoại của người thân:.....

17. Địa chỉ:.....

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy của ĐHQGHN năm 2023. Nếu có sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

Ngày tháng năm 2023

**Thí sinh**

(ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi) .....

Ngày nhận: ...../...../.....

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023**

(Dùng cho thí sinh sử dụng bằng Tú tài quốc tế (IB) để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

**A. THÔNG TIN CHUNG**

1. Họ và tên thí sinh (viết chữ in hoa): ..... 2. Giới tính: ..... 3. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../..... 4. Nơi sinh: (Tỉnh/TP).....
5. Dân tộc: ..... 6. Email: .....
7. Thông tin CMND/thẻ CCCD:  
Số CMND/CCCD: .....
- Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....
8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương (ghi rõ tên trường, tỉnh/TP):  
Năm lớp 10: ..... Năm lớp 11: .....  
Năm lớp 12: ..... Năm tốt nghiệp THPT:.....
9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:  
Tỉnh/Thành: ..... Quận/Huyện/Thị xã: ..... Xã/ Phường/Thị trấn: .....

**B. KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP TÚ TÀI QUỐC TẾ**

10. Năm thi:..... 11. Điểm thi:.....
12. Điểm thành phần: - Môn Toán:.....  
- Môn Tiếng Anh: .....

**C. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN**

13. Ngành đăng ký xét tuyển tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN

Nguyên vọng 1: Ngành học 1: ..... Mã xét tuyển:.....

Nguyên vọng 2: Ngành học 2: ..... Mã xét tuyển:.....

**D. CÁC TÀI LIỆU XÉT TUYỂN NỘP KÈM**

- Bản sao hợp lệ Bằng Tú tài quốc tế
- 02 ảnh chân dung cỡ 4x6 cm, mặt sau ghi rõ họ tên
- Bản sao bằng điểm Tú tài quốc tế
- Bản sao hợp lệ CMTND/CCCD
- Bản sao hợp lệ các bằng khen/giấy khen (nếu có)

(nộp trực tiếp hoặc chuyển phát bảo đảm tới HĐTS)

**E. THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA THÍ SINH VÀ NGƯỜI THÂN**

14. Điện thoại của thí sinh: .....
15. Họ và tên người thân:..... 16. Quan hệ với thí sinh : .....
17. Điện thoại của người thân:.....
18. Địa chỉ:.....

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy của ĐHQGHN năm 2023. Nếu có sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

Ngày tháng năm 2023

**Thí sinh**

(kí, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi) .....

Ngày nhận: ...../...../.....

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023**

(Dùng cho thí sinh sử dụng **kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội** để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

**A. THÔNG TIN CHUNG**

1. Họ và tên thí sinh (viết chữ in hoa): ..... 2. Giới tính: .....
3. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../..... 4. Nơi sinh: (Tỉnh/TP).....
5. Dân tộc: ..... 6. Email: .....
7. Thông tin CMND/thẻ CCCD:  
Số CMND/CCCD: .....
- Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....
8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương (ghi rõ tên trường, tỉnh/TP):  
Năm lớp 10: ..... Năm lớp 11: .....
- Năm lớp 12: ..... Năm tốt nghiệp THPT:.....
9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:  
Tỉnh/Thành: ..... Quận/Huyện/Thị xã: ..... Xã/ Phường/Thị trấn: .....

**B. KẾT QUẢ KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

10. Năm thi:..... 11. Điểm thi:.....

**Điều kiện phụ:**

- Điểm trung bình học kỳ 1 năm lớp 10 môn Ngoại ngữ: .....
- Điểm trung bình học kỳ 2 năm lớp 10 môn Ngoại ngữ: .....
- Điểm trung bình học kỳ 1 năm lớp 11 môn Ngoại ngữ: .....
- Điểm trung bình học kỳ 2 năm lớp 11 môn Ngoại ngữ: .....
- Điểm trung bình học kỳ 1 năm lớp 12 môn Ngoại ngữ: .....
- Điểm trung bình học kỳ 2 năm lớp 12 môn Ngoại ngữ: .....
- Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023 môn Ngoại ngữ: .....
- Tên môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật): .....

**C. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN**

12. Ngành đăng ký xét tuyển tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN

*Nguyện vọng 1:* Ngành học 1: ..... Mã xét tuyển:.....

*Nguyện vọng 2:* Ngành học 2: ..... Mã xét tuyển:.....

**D. CÁC TÀI LIỆU XÉT TUYỂN NỘP KÈM**

- Bản sao hợp lệ Chứng nhận kết quả thi Đánh giá năng lực
- 02 ảnh chân dung cỡ 4x6 cm, mặt sau ghi rõ họ tên
- Bản sao học bạ THPT của thí sinh
- Bản sao CMND/CCCD

} (nộp trực tiếp hoặc chuyển phát bảo đảm tới HĐTS)

Bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc bản sao bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2023 (nộp trực tiếp hoặc chuyển phát bảo đảm tới HĐTS để **XÁC NHẬN NHẬP HỌC** theo hướng dẫn của HĐTS)

**E. THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA THÍ SINH VÀ NGƯỜI THÂN**

- 13. Điện thoại của thí sinh: .....
- 14. Họ và tên người thân:.....15. Quan hệ với thí sinh : .....
- 16. Điện thoại của người thân:.....
- 17.Địa chỉ:.....

*Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy của ĐHQGHN năm 2023. Nếu có sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.*

Ngày      tháng      năm 2023

**Thí sinh**

(ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi) .....

Ngày nhận: ...../...../.....

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023**

(Dùng cho thí sinh sử dụng **kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh** để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

**A. THÔNG TIN CHUNG**

1. Họ và tên thí sinh (viết chữ in hoa): ..... 2. Giới tính: .....  
 3. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../..... 4. Nơi sinh: (Tỉnh/TP).....  
 5. Dân tộc: ..... 6. Email: .....  
 7. Thông tin CMND/thẻ CCCD:  
 Số CMND/CCCD: .....  
 Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....  
 8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương (ghi rõ tên trường, tỉnh/TP):  
 Năm lớp 10: ..... Năm lớp 11: .....  
 Năm lớp 12: ..... Năm tốt nghiệp THPT:.....  
 9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:  
 Tỉnh/Thành: ..... Quận/Huyện/Thị xã: ..... Xã/ Phường/Thị trấn: .....

**B. KẾT QUẢ KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HỒ CHÍ MINH**

10. Năm thi:..... 11. Điểm thi:.....

**Điều kiện phụ:**

- Điểm trung bình học kỳ 1 năm lớp 10 môn Ngoại ngữ: .....  
 Điểm trung bình học kỳ 2 năm lớp 10 môn Ngoại ngữ: .....  
 Điểm trung bình học kỳ 1 năm lớp 11 môn Ngoại ngữ: .....  
 Điểm trung bình học kỳ 2 năm lớp 11 môn Ngoại ngữ: .....  
 Điểm trung bình học kỳ 1 năm lớp 12 môn Ngoại ngữ: .....  
 Điểm trung bình học kỳ 2 năm lớp 12 môn Ngoại ngữ: .....  
 Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023 môn Ngoại ngữ: .....  
 Tên môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật): .....

**C. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN**

12. Ngành đăng ký xét tuyển tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN

*Nguyện vọng 1:* Ngành học 1: ..... Mã xét tuyển:.....

*Nguyện vọng 2:* Ngành học 2: ..... Mã xét tuyển:.....

**D. CÁC TÀI LIỆU XÉT TUYỂN NỘP KÈM**

- Bản sao hợp lệ Chứng nhận kết quả thi Đánh giá năng lực  
 02 ảnh chân dung cỡ 4x6 cm, mặt sau ghi rõ họ tên  
 Bản sao học bạ THPT của thí sinh  
 Bản sao CMND/CCCD

(nộp trực tiếp hoặc chuyển phát bảo đảm tới HĐTS)

Bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc bản sao bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2023 (*nộp trực tiếp hoặc chuyển phát bảo đảm tới HĐTS để XÁC NHẬN NHẬP HỌC theo hướng dẫn của HĐTS*)

**E. THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA THÍ SINH VÀ NGƯỜI THÂN**

13. Điện thoại của thí sinh: .....

14. Họ và tên người thân:..... 15. Quan hệ với thí sinh : .....

16. Điện thoại của người thân:.....

17.Địa chỉ:.....

*Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy của ĐHQGHN năm 2023. Nếu có sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.*

Ngày tháng năm 2023

**Thí sinh**

(ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi) .....

Ngày nhận: ...../...../.....

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG, ƯU TIÊN XÉT TUYỂN  
THEO QUY ĐỊNH CỦA ĐHQGHN**

(căn cứ Quyết định số 4412/QĐ-ĐHQGHN ngày 31/12/2021 về việc ban hành Quy định cơ chế đặc thù trong tuyển sinh và đào tạo liên thông bậc THPT và bậc đại học tại ĐHQGHN)

1. Họ và tên thí sinh (viết chữ in hoa): ..... 2. Giới tính: .....

3. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../..... 4. Nơi sinh: (Tỉnh/TP).....

5. Dân tộc: ..... 6. Email: .....

7. Thông tin CMND/thẻ CCCD:

Số CMND/CCCD: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

8. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học trung học phổ thông (THPT):

Tỉnh/Thành: ..... Quận/Huyện/Thị xã: ..... Xã/Phường/Thị trấn/: .....

9. Thông tin về quá trình học tập tại trường THPT

9.1. Nơi học THPT hoặc tương đương

- Năm lớp 10: ..... Năm lớp 11: .....

- Năm lớp 12: ..... Năm tốt nghiệp THPT:.....

- Tên môn/lớp/khối chuyên: .....

9.2. Điểm trung bình chung (TBC) và hạnh kiểm bậc THPT

- Điểm TBC năm lớp 10: ..... Hạnh kiểm: .....

- Điểm TBC năm lớp 11: ..... Hạnh kiểm: .....

- Điểm TBC năm lớp 12: ..... Hạnh kiểm: .....

10. Thành tích học tập (liệt kê giải thưởng/huy chương, thành viên chính thức của đội tuyển):

11. Thông tin trường/ngành học đăng ký xét tuyển thăng/ưu tiên xét tuyển (xếp theo thứ tự ưu tiên)

Thứ tự ưu tiên	Mã xét tuyển	Tên ngành
1		
2		
3		
4		

Thứ tự ưu tiên	Mã xét tuyển	Tên ngành
...		

## 12. Thông tin liên lạc của thí sinh và của người thân

12.1. Điện thoại của thí sinh: .....

12.2. Họ và tên người thân:..... 12.3. Quan hệ với thí sinh : .....

12.4. Điện thoại của người thân:.....

12.5.Địa chỉ:.....

*Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy của ĐHQGHN năm 2023. Nếu có sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.*

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ đúng sự thật và  
là học sinh lớp 12 hệ chuyên

Trường.....

.....

**BAN GIÁM HIỆU NHÀ TRƯỜNG**

(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng.....năm 2023

**Thí sinh**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

### Ghi chú:

1. Thí sinh gửi Phiếu ĐKXT và hồ sơ gồm bản sao học bạ tính đến thời điểm ĐKXT, bản sao giấy chứng nhận đoạt giải, bản sao CMND/CCCD, 2 ảnh chân dung cỡ 4x6cm qua chuyên phát nhanh về HĐTS Trường Quốc tế.

2. Nếu trúng tuyển, thí sinh nộp bản sao công chứng học bạ (kèm bản chính học bạ để kiểm tra, đối chiếu), bản chính bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và bản chính giấy chứng nhận đoạt giải tới HĐTS Trường Quốc tế để XÁC NHẬN NHẬP HỌC vào Trường Quốc tế.



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi) .....

Ngày nhận: ...../...../.....

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN  
THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

(căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học)

1. Họ và tên thí sinh (viết chữ in hoa): ..... 2. Giới tính: .....

3. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../..... 4. Nơi sinh: (Tỉnh/TP).....

5. Dân tộc: ..... 6. Email: .....

7. Thông tin CMND/thẻ CCCD:

Số CMND/CCCD: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

8. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học trung học phổ thông (THPT):

Tỉnh/Thành: ..... Quận/Huyện/Thị xã: ..... Xã/Phường/Thị trấn/: .....

9. Thông tin về quá trình học tập tại trường THPT

9.1. Nơi học THPT hoặc tương đương

- Năm lớp 10: ..... Năm lớp 11: .....

- Năm lớp 12: ..... Năm tốt nghiệp THPT:.....

9.2. Học lực và hạnh kiểm bậc THPT

- Học lực năm lớp 10: ..... Hạnh kiểm: .....

- Học lực năm lớp 11: ..... Hạnh kiểm: .....

- Học lực năm lớp 12:..... Hạnh kiểm: .....

10. Thành tích học tập (liệt kê giải thưởng/huy chương, thành viên chính thức của đội tuyển):

11. Thông tin trường/ngành học đăng ký xét tuyển thăng/ưu tiên xét tuyển (xếp theo thứ tự ưu tiên)

Thứ tự ưu tiên	Mã xét tuyển	Tên ngành
1		
2		
3		
4		

Thứ tự ưu tiên	Mã xét tuyển	Tên ngành
...		

**12. Thông tin liên lạc của thí sinh và của người thân**

12.1. Điện thoại của thí sinh: .....

12.2. Họ và tên người thân:..... 12.3. Quan hệ với thí sinh : .....

12.4. Điện thoại của người thân:.....

12.5.Địa chỉ:.....

*Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy của ĐHQGHN năm 2023. Nếu có sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.*

....., ngày..... tháng.....năm 2023

**Thí sinh**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**Ghi chú:**

1. Thí sinh gửi **Phiếu DKXT** và hồ sơ gồm bản sao học bạ tính đến thời điểm **DKXT**, bản sao giấy chứng nhận đoạt giải, bản sao **CMND/CCCD**, 2 ảnh chân dung cỡ 4x6cm qua chuyển phát nhanh về **HĐTS Trường Quốc tế**.

2. Nếu trúng tuyển, thí sinh nộp bản sao công chứng học bạ (kèm bản chính học bạ để kiểm tra, đối chiếu), bản chính bằng tốt nghiệp **THPT** hoặc tương đương và bản chính giấy chứng nhận đoạt giải tới **HĐTS Trường Quốc tế** để **XÁC NHẬN NHẬP HỌC** vào Trường Quốc tế.

### PHỤ LỤC 3

## DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG CHUYÊN ĐƯỢC XÉT TUYỂN THĂNG HOẶC ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO TRƯỜNG QUỐC TẾ - ĐHQGHN NĂM 2023

### 1. Các THPT chuyên, năng khiếu trực thuộc đại học

STT	Tên trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Thành phố/Thị xã
1	THPT chuyên Đại học Sư phạm Hà Nội	Hà Nội	Quận Cầu Giấy
2	THPT chuyên Khoa học Xã hội và Nhân văn – Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội	Hà Nội	Quận Thanh Xuân
3	THPT chuyên Khoa học Tự nhiên – Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	Hà Nội	Quận Thanh Xuân
4	THPT chuyên Ngoại ngữ - Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội	Hà Nội	Quận Cầu Giấy
5	THPT chuyên Đại học Vinh	Nghệ An	TP Vinh
6	THPT chuyên Đại học Khoa học, Đại học Huế	Thừa Thiên - Huế	TP Huế
7	Phổ thông Năng khiếu, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Quận 5
8	Trung học thực hành, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Quận 5
9	THPT Năng khiếu, Đại học Tân Tạo	Long An	Huyện Đức Hòa

### 2. Các THPT chuyên, năng khiếu trực thuộc tỉnh/thành phố

STT	Tên trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Thành phố/Thị xã
1	THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam	Hà Nội	Quận Cầu Giấy
2	THPT chuyên Nguyễn Huệ	Hà Nội	Quận Hà Đông
3	THPT Chu Văn An	Hà Nội	Quận Tây Hồ
4	THPT Sơn Tây	Hà Nội	Thị xã Sơn Tây
5	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Hồ Chí Minh	Quận 5
6	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Hồ Chí Minh	Quận 1
7	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình
8	THPT Gia Định	Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh
9	THPT chuyên Trần Phú	Hải Phòng	Quận Ngô Quyền

<b>STT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Tỉnh/Thành phố</b>	<b>Quận/Thành phố/Thị xã</b>
10	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	Quận Sơn Trà
11	THPT chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	Quận Bình Thủy
12	THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	TP Long Xuyên
13	THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	TP Châu Đốc
14	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa - Vũng Tàu	TP Vũng Tàu
15	THPT chuyên Bạc Liêu	Bạc Liêu	TP Bạc Liêu
16	THPT chuyên Bắc Giang	Bắc Giang	TP Bắc Giang
17	THPT chuyên Bắc Kạn	Bắc Kạn	TP Bắc Kạn
18	THPT chuyên Bắc Ninh	Bắc Ninh	TP Bắc Ninh
19	THPT chuyên Bến Tre	Bến Tre	TP Bến Tre
20	THPT chuyên Hùng Vương	Bình Dương	TP Thủ Dầu Một
21	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	TP Quy Nhơn
22	THPT chuyên Quang Trung	Bình Phước	Thị xã Đồng Xoài
23	THPT chuyên Bình Long	Bình Phước	Thị xã Bình Long
24	THPT chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	TP Phan Thiết
25	THPT chuyên Phan Ngọc Hiến	Cà Mau	TP Cà Mau
26	THPT chuyên Cao Bằng	Cao Bằng	TP Cao Bằng
27	THPT chuyên Nguyễn Du	Đắk Lắk	TP Buôn Ma Thuột
28	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đắk Nông	Thị xã Gia Nghĩa
29	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Điện Biên	TP Điện Biên Phủ
30	THPT chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	TP Biên Hòa
31	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	TP Cao Lãnh
32	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	TP Sa Đéc
33	THPT chuyên Hùng Vương	Gia Lai	TP Pleiku
34	THPT chuyên Hà Giang	Hà Giang	TP Hà Giang
35	THPT chuyên Biên Hòa	Hà Nam	TP Phủ Lý
36	THPT chuyên Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	TP Hà Tĩnh
37	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Hải Dương	TP Hải Dương
38	THPT chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	TP Vị Thanh
39	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ	Hòa Bình	TP Hoà Bình
40	THPT chuyên Hưng Yên	Hưng Yên	TP Hưng Yên
41	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	TP Nha Trang

<b>STT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Tỉnh/Thành phố</b>	<b>Quận/Thành phố/Thị xã</b>
42	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	TP Rạch Giá
43	THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	TP Kon Tum
44	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Lai Châu	TP Lai Châu
45	THPT chuyên Chu Văn An	Lạng Sơn	TP Lạng Sơn
46	THPT chuyên Lào Cai	Lào Cai	TP Lào Cai
47	THPT chuyên Thăng Long Đà Lạt	Lâm Đồng	TP Đà Lạt
48	THPT chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	TP Bảo Lộc
49	THPT chuyên Long An	Long An	TP Tân An
50	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nam Định	TP Nam Định
51	THPT chuyên Phan Bội Châu	Nghệ An	TP Vinh
52	THPT chuyên Lương Văn Tụy	Ninh Bình	TP Ninh Bình
53	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	TP Phan Rang - Tháp Chàm
54	THPT chuyên Hùng Vương	Phú Thọ	TP Việt Trì
55	THPT chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	TP Tuy Hòa
56	THPT chuyên Võ Nguyên Giáp	Quảng Bình	TP Đồng Hới
57	THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	TP Hội An
58	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Quảng Nam	TP Tam Kỳ
59	THPT chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi
60	THPT chuyên Hạ Long	Quảng Ninh	TP Hạ Long
61	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Quảng Trị	TP Đông Hà
62	THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	TP Sóc Trăng
63	THPT chuyên Sơn La	Sơn La	TP Sơn La
64	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	TP Tây Ninh
65	THPT chuyên Thái Bình	Thái Bình	TP Thái Bình
66	THPT chuyên Thái Nguyên	Thái Nguyên	TP Thái Nguyên
67	THPT chuyên Lam Sơn	Thanh Hóa	TP Thanh Hóa
68	THPT chuyên Quốc Học	Thừa Thiên - Huế	TP Huế
69	THPT chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	TP Mỹ Tho
70	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	TP Trà Vinh
71	THPT chuyên Tuyên Quang	Tuyên Quang	TP Tuyên Quang
72	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Vĩnh Long	TP Vĩnh Long

STT	Tên trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Thành phố/Thị xã
73	THPT chuyên Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	TP Vĩnh Yên
74	THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	Yên Bái	TP Yên Bái

*Danh sách gồm 83 trường ./.*

**Ghi chú:** Chỉ những học sinh hệ chuyên tại 83 trường THPT trong danh sách trên được đăng ký xét tuyển thẳng hoặc ưu tiên xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN năm 2023 theo quy định tại mục 5.1 của Đề án tuyển sinh đại học chính quy Trường Quốc tế năm 2023.

Tuyensinh247.com